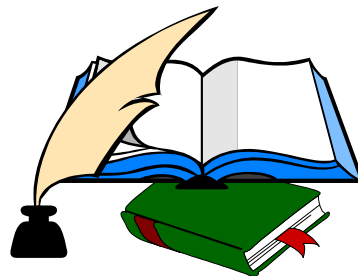


ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**  
**KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ**  
**KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**MINH PHÁT**



Sinh viên thực hiện:

**Mạnh Thị Sâm**

**Lớp: K45 KTDN**

**Niên khóa: 2011 – 2015**

Giáo viên hướng dẫn:

**ThS. Phạm Thị Ái Mỹ**

**Huế, 05 - 2015**

**LỜI CẢM ƠN**

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Minh Phát kết hợp với kiến thức đã học trên ghế nhà trường, đến nay em đã hoàn thành khoá luận tốt nghiệp của mình với đề tài “Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Minh Phát”.

Để hoàn thành khoá luận này, ngoài sự cố gắng của bản thân, em đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ nhiệt tình của quý thầy cô, quý công ty cùng toàn thể gia đình, bạn bè.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô khoa Kế toán- Kiểm toán cũng như Ban giám hiệu nhà trường đã tạo điều kiện cho em có cơ hội tiếp xúc với tình hình thực tiễn tại doanh nghiệp. Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến cô giáo- Th. S Phạm Thị Ái Mỹ là người nhiệt tình giúp đỡ em trong suốt quá trình hoàn thành khoá luận.

Em xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Minh Phát, đặc biệt là các chị trong phòng kế toán đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ em trong suốt thời gian thực tập.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến gia đình, người thân cùng tất cả bạn bè đã động viên, ủng hộ và bên cạnh em trong suốt thời gian qua.

Mặc dù đã cố gắng và nỗ lực hết mình, nhưng kiến thức và hiểu biết về thực tế còn nhiều hạn chế nên khoá luận tốt nghiệp không thể tránh được những sai sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của quý thầy cô để hoàn thiện tốt hơn khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 05 năm 2015

Sinh viên

Mạnh Thị Sâm

MỤC LỤC

**PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ .....1**

1.1 LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....1

1.2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU .....2

1.3 ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU .....2

1.4 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU .....3

1.5 KẾT CẤU ĐỀ TÀI.....4

1.6 TÓM TẮT CÁC NGHIÊN CỨU ĐÃ THỰC HIỆN.....4

**PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....5**

**CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....5**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....5**

1.1.1 Khái niệm .....5

1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh .....6

1.1.3 Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. ....7

**1.2 KẾ TOÁN DOANH THU TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI .....8**

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....8

1.2.1.1 Khái niệm doanh thu .....8

1.2.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu.....8

1.2.1.3 Tài khoản sử dụng .....9

1.2.1.4 Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức bán hàng. ....9

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....11

1.2.2.1 Khái niệm .....11

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng .....12

1.2.2.3 Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....12

1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán .....13

1.2.3.1 Khái niệm .....13

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng. ....13

1.2.3.3	Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX.....	13
1.2.4	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	13
1.2.4.1	Khái niệm .....	14
1.2.4.2	Tài khoản sử dụng .....	14
1.2.4.3	Trình tự hạch toán.....	14
1.2.5	Kế toán chi phí tài chính.....	15
1.2.5.1	Khái niệm .....	15
1.2.5.2	Tài khoản sử dụng .....	15
1.2.5.3	Trình tự hạch toán.....	15
1.2.6	Kế toán doanh thu tài chính.....	16
1.2.6.1	Khái niệm .....	16
1.2.6.2	Tài khoản sử dụng .....	16
1.2.6.3	Trình tự hạch toán.....	16
1.2.7	Kế toán chi phí khác .....	17
1.2.7.1	Chi phí khác bao gồm:.....	17
1.2.7.2	Tài khoản sử dụng .....	17
1.2.7.3	Trình tự hạch toán.....	17
1.2.8	Kế toán thu nhập khác .....	18
1.2.8.1	Thu nhập khác bao gồm: .....	18
1.2.8.2	Tài khoản sử dụng .....	18
1.2.8.3	Trình tự hạch toán.....	18
1.3	KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI .....	19
1.3.1	Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. ....	19
1.3.1.1	Khái niệm .....	19
1.3.1.2	Tài khoản sử dụng .....	19
1.3.1.3	Trình tự hạch toán.....	19
1.3.2	Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	19
1.3.2.1	Khái niệm .....	19
1.3.2.2	Tài khoản sử dụng .....	20

1.3.2.3 Trình tự hạch toán.....	20
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT .....</b>	<b>22</b>
2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT.....	22
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển công ty. ....	22
2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty .....	23
2.1.2.1 Chức năng.....	23
2.1.2.2 Nhiệm vụ .....	23
2.1.3 Thuận lợi và khó khăn của Công ty.....	24
2.1.3.1 Thuận lợi.....	24
2.1.3.2 Khó khăn.....	24
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty. ....	24
2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty.....	24
2.1.4.2 Chức năng của từng bộ phận. ....	25
2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty.....	26
2.1.5.1 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty.....	26
2.1.5.2 Chức năng của từng bộ phận. ....	26
2.1.5.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.....	27
2.1.6 Tình hình nguồn lực của Công ty .....	28
2.1.6.1 Tình hình tài sản .....	28
2.1.6.2 Tình hình nguồn vốn .....	31
2.1.6.3 Tình hình kinh doanh của Công ty. ....	34
2.1.6.4 Tình hình lao động.....	37
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT.....	39
2.2.1 Công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty. ....	39
2.2.1.1 Kế toán doanh thu tại Công ty.....	39
2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	49
2.2.1.3 Kế toán giá vốn.....	49
2.2.1.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	56

2.2.1.5 Kế toán doanh thu tài chính .....	60
2.2.1.6 Kế toán chi phí tài chính.....	60
2.2.1.7 Kế toán thu nhập và chi phí khác .....	64
2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty .....	64
2.2.2.1 Kế toán chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp .....	64
2.2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	67
2.2.3 Phân tích một số lý do ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty Cổ phần Minh Phát. ....	69
2.2.3.1 Lý do khách quan .....	69
2.2.3.2 Lý do chủ quan .....	71
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT .....</b>	<b>72</b>
3.1 NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	72
3.1.1 Ưu điểm.....	71
3.1.2 Nhược điểm .....	72
3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY .....	73
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>75</b>
1.1 KẾT LUẬN .....	75
1.2 KIẾN NGHỊ.....	76
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>78</b>

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

BHYT:	Bảo hiểm y tế
BHXH :	Bảo hiểm xã hội
KPCĐ :	Kinh phí công đoàn
DN :	Doanh nghiệp
DT :	Doanh thu
ĐVT :	Đơn vị tính
GTGT :	Giá trị gia tăng
GVHB :	Giá vốn hàng bán
KC :	Kết chuyển
CTKC :	Chứng từ kết chuyển
QLKD :	Quản lý kinh doanh
TK :	Tài khoản
TSCĐ :	Tài sản cố định
VNĐ :	Việt Nam đồng

**DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ**

Sơ đồ 1.1. Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp và phương thức chuyển hàng.....	10
Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng ở đơn vị giao đại lý. ....	11
Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng ở đơn vị nhận đại lý.....	11
Sơ đồ 1.4 Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX.....	13
Sơ đồ 1.6. Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	14
Sơ đồ 1.7 Trình tự hạch toán chi phí tài chính .....	15
Sơ đồ 1.8 Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	16
Sơ đồ 1.9 Trình tự hạch toán chi phí khác.....	17
Sơ đồ 1.10 Trình tự hạch toán thu nhập khác .....	18
Sơ đồ 1.11 Trình tự hạch toán phí thuế TNDN hiện hành.....	19
Sơ đồ 1.12 Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....	21
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Minh Phát. ....	25
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Minh Phát.....	26
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.....	28



**DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

Bảng 2.1 Tình hình tài sản của công ty cổ phần minh phát (2012- 2014).....	29
Bảng 2.2 Tình hình nguồn vốn của công ty cổ phần Minh Phát (2012-2014) .....	32
Bảng 2.3: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh (2012-2014) .....	35
Bảng 2.4: Tình hình lao động của công ty năm 2012 -2014 .....	37
Bảng 2.5: Tỷ lệ trích theo lương áp dụng trong năm 2014.....	56
Biểu đồ 2.1. Tình hình tài sản công ty giai đoạn 2012 - 2014.....	30
Biểu đồ 2.4: Tình hình lao động của Công ty qua 3 năm phân theo trình độ ( 2012- 2014)....	38
Biểu đồ 2.5: Tình hình lao động của Công ty qua 3 năm 2012- 2014 phân theo giới tính.....	38
Biểu đồ 2.6: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2004- 2014.....	70

**TÓM TẮT NGHIÊN CỨU**

Đề tài “**Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Minh Phát**” gồm 3 phần:

- Phần I là phần mở đầu chủ yếu giới thiệu về lý do chọn đề tài, phạm vi tìm hiểu và cách thức nghiên cứu đề tài.

- Phần II là phần nội dung và kết quả nghiên cứu. Phần này gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty bao gồm các khái niệm và phương thức hạch toán của các tài khoản kế toán liên quan đến công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty bao gồm: giới thiệu khái quát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như tình hình lao động, tình hình tài sản và nguồn vốn, tình hình kết quả kinh doanh. Giới thiệu về cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán và quy trình hạch toán doanh thu, hạch toán các chi phí phát sinh liên quan và cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Minh Phát.

Chương 3: Một số biện pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty bao gồm việc đánh giá ưu điểm, nhược điểm của bộ máy tổ chức kế toán, công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, đồng thời đưa ra những biện pháp nhằm cải thiện những nhược điểm và phát huy những ưu điểm trong công tác tổ chức bộ máy kế toán, công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Minh Phát.

- Phần III: Kết luận và kiến nghị bao gồm việc đánh giá tổng quát về những cái đạt được và chưa đạt được của đề tài và đưa ra những kiến nghị nhằm đạt được hiệu quả tốt hơn trong quá trình nghiên cứu đề tài.

## **PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1.1 LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI**

Nền kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng đang ngày càng phát triển, có sự chuyển dịch rõ rệt đã mở ra nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp, thương gia. Để có thể tồn tại lâu dài và phát triển mạnh mẽ thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế, tài chính, thuế một cách nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

Thực tế cho thấy để thích ứng với mỗi cơ chế quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp phải chạy đua, cạnh tranh với nhau để tìm được chỗ đứng trong lòng khách hàng. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải hiểu được đối thủ cạnh tranh, tâm lý của khách hàng như: sản phẩm, chất lượng, giá cả, dịch vụ hậu mãi... Những mục tiêu, yêu cầu đó doanh nghiệp phải xác định chắc chắn và từ đó doanh nghiệp cần có những phương hướng rõ ràng để hoạt động và phát triển trong môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

Với doanh nghiệp mang tính chất thương mại, doanh thu tiêu thụ sản phẩm là một chỉ tiêu tài chính quan trọng không những đối với bản thân doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa đối với cả nền kinh tế quốc dân. Nó phản ánh quy mô của quá trình tái sản xuất doanh nghiệp, phản ánh trình độ tổ chức chỉ đạo sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác thanh toán là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí trong quá trình SXKD. Bất kỳ một doanh nghiệp nào trước khi thành lập đều xác định mục tiêu, mà mục tiêu chính là lợi nhuận. Muốn vậy không thể không đề cập đến chỉ tiêu doanh thu tiêu thụ sản phẩm. Muốn lợi nhuận ngày càng cao, tái sản xuất càng ngày càng mở rộng, doanh nghiệp phải có kế hoạch thật đầy đủ và chính xác về kế hoạch cung cấp, và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, kế hoạch về chi phí làm sao có được sản phẩm hàng hóa với chất lượng cao tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, để đạt được doanh thu và lợi nhuận tối đa mà doanh nghiệp đặt ra. Bên cạnh đó để có kế hoạch tốt về mức tiêu thụ và chi phí, tránh tình trạng lãi giả lỗ thật thì việc hạch

toán doanh thu tiêu thụ phải thực hiện cập nhật đầy đủ và chính xác để cung cấp kịp thời cho yêu cầu quản lý, từ đó xác định đúng kết quả tiêu thụ sản phẩm.

Cũng như bao doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường, công ty cổ phần Minh Phát luôn quan tâm đến việc tổ chức sản xuất kinh doanh, bán hàng, quan hệ tốt với khách hàng nhằm đạt được lợi nhuận lớn nhất cho công ty. Là một công ty thương mại chuyên kinh doanh các vật liệu xây dựng thì công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu vô cùng quan trọng, quyết định đến sự sống còn của doanh nghiệp. Qua học tập, quan sát và thực tập tại công ty, tôi nhận thấy kế toán doanh thu cần phải được tổ chức một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị. Chính vì vậy tôi đã chọn đề tài “KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT”.

## **1.2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU**

Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu:

- Tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung liên quan đến kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Minh Phát.
- Đánh giá những ưu, nhược điểm về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty.

## **1.3 ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

### **ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Minh Phát.

### **PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

- Về mặt không gian: Phòng kế toán của công ty cổ phần Minh Phát

- Về mặt thời gian: Đề tài tập trung nghiên cứu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2014 và thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Minh Phát quý 4 năm 2014.

#### **1.4 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

- Phương pháp nghiên cứu, tham khảo tài liệu:

Đọc, tham khảo, tìm hiểu các giáo trình liên quan do các giảng viên biên soạn, giảng dạy, các sách ở thư viện trường để có cơ sở nghiên cứu đề tài.

- Phương pháp điều tra, phỏng vấn.

Trực tiếp phỏng vấn, đặt câu hỏi với các nhân viên phòng kế toán để thu thập thông tin, giải đáp thắc mắc về tình hình công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

- Phương pháp quan sát

Quan sát và ghi chép lại những công việc mà kế toán viên tại Công ty cổ phần Minh Phát thực hiện.

- Phương pháp thu thập xử lý số liệu:

+ Phương pháp so sánh: so sánh đối chiếu các chỉ tiêu qua từng năm để đánh giá sự biến động của từng chỉ tiêu. Phương pháp này được sử dụng để đánh giá tình hình tài sản, nguồn vốn, lao động và kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Minh Phát.

+ Phương pháp phân tích số liệu: là phương pháp dựa trên số liệu đã thu thập và so sánh, tiến hành đánh giá các vấn đề liên quan đến tình hình kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Minh Phát.

+ Phương pháp tổng hợp số liệu: là phương pháp dựa trên số liệu đã thu thập để rút ra những kết luận và đánh giá cần thiết.

+ Phương pháp kế toán: là phương pháp sử dụng chứng từ, tài khoản, sổ sách để hệ thống hóa và kiểm soát thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Và một số phương pháp khác.

## **1.5 KẾT CẤU ĐỀ TÀI**

Kết cấu đề tài: “Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Minh Phát”

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp thương mại.

Chương 2: Kết quả nghiên cứu về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Minh Phát.

Chương 3: Giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Minh Phát.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## **1.6 TÓM TẮT CÁC NGHIÊN CỨU ĐÃ THỰC HIỆN**

Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chiếm một vị trí quan trọng trong việc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì thế đề tài kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đã được nhiều người nghiên cứu và đóng góp một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán cho doanh nghiệp. nhìn chung các khóa luận trước đã thực hiện được mục tiêu nghiên cứu của mình như:

- Các lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh
- Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị mình thực tập
- Đưa ra những nhận xét, đánh giá về công tác kế toán tại đơn vị và từ đó tìm ra giải pháp nhằm hoàn thiện hơn việc hạch toán kế toán tại đơn vị

Điểm mới của đề tài: Riêng đối với công ty cổ phần, trong những năm qua có nhiều sinh viên đã nghiên cứu công tác kế toán tại đơn vị về kế toán TSCĐ, thanh toán... Về đề tài doanh thu và xác định kết quả kinh doanh có một số sinh viên thực hiện nhưng mới nghiên cứu ở mức độ chung và đưa ra những nhận xét tổng quan về tình hình hoạt động của công ty, chưa đi sâu vào công tác kế toán cụ thể nên đề tài này tôi sẽ đi sâu nghiên cứu cụ thể về công tác hạch toán doanh thu, chi phí, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán ...

## PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

#### I.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

##### 1.1.1 Khái niệm

Doanh thu:

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) – Doanh thu và thu nhập khác, trình bày các khái niệm cơ bản về doanh thu như sau:

“Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”.

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu (nếu có), thuế giá trị gia tăng (GTGT) (đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp).

- Các khoản giảm trừ doanh thu:

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) – Doanh thu và thu nhập khác, trình bày các khái niệm cơ bản về các khoản giảm trừ doanh thu như sau:

+ Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

+ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

+ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ sau đó bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Chi phí: Là các khoản hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một trong những mục tiêu cụ thể đặt ra, hay nói một cách khác thì chi phí chính là số tiền

phải trả để phục vụ các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch... nhằm đáp ứng được các loại hàng hoá, dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Kết quả kinh doanh: Là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp và nó phụ thuộc vào quy mô, chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy kết quả kinh doanh là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Tương ứng với ba hoạt động trên là kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết quả sản xuất kinh doanh cuối cùng là tổng hợp của 3 loại trên.

Để XĐKQKD ta có công thức tính như sau:

+ Doanh thu thuần = Tổng doanh thu – Các khoản giảm trừ doanh thu

+ Lãi gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính – Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – chi phí khác

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + lợi nhuận khác

+ Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - thuế TNDN

### **1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**

Để đáp ứng yêu cầu quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến đổi của từng loại sản phẩm hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng chủng loại và giá trị.

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi các khoản phải thu khách hàng.



- Tính toán và phân bổ đúng đắn, chính xác các khoản chi phí liên quan trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản thuế phải nộp nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, đưa ra lời khuyên cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ quan trọng nhất của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cung cấp một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời cho nhà quản lý và những người quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp về thông tin kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận đạt được của doanh nghiệp. Từ đó, nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn cho doanh nghiệp.

### **1.1.3 Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.**

- Vấn đề mà các doanh nghiệp trên thị trường hiện nay đang quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Để xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp ta phải căn cứ vào các yếu tố: doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng, quyết định sự sống còn của mỗi doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp: Việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp giúp các nhà quản trị doanh nghiệp nắm bắt được thực trạng từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, đánh giá được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình từ đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Cũng căn cứ vào việc xác định kết quả kinh doanh để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Đối với nhà đầu tư: Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên BCTC, các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, các khoản thanh toán là căn cứ cần thiết giúp nhà cung cấp có quyết định bán hàng hay không bán hàng cho doanh nghiệp hoặc sử dụng phương pháp thanh toán hợp lý để tránh rủi ro cao nhất.

- Đối với các tài chính trung gian: Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và KQKD để đưa ra các quyết định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với nhà nước:

+ Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và XĐKQKD của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

+ Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị của nhà nước sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua các chính sách vĩ mô, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

## **1.2 KẾ TOÁN DOANH THU TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI**

Do công ty Cổ phần Minh Phát áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài Chính, nên các nội dung mà tôi trình bày dưới đây đều tuân theo quyết định này.

### **1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **1.2.1.1 Khái niệm doanh thu**

“Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”.

(Chuẩn mực kế toán số 14- Doanh thu và thu nhập khác)

- Doanh thu thuần về bán hàng cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của số hàng bán bị trả lại, thuế TTĐB, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

#### **1.2.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.

2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ phần quản lý, quyền kiểm soát hàng hoá

3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4. Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng

5. Xác định được chi phí liên quan đến bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán.

4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Trường hợp về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

(Chuẩn mực kế toán số 14- Doanh thu và thu nhập khác)

### **1.2.1.3 Tài khoản sử dụng**

Theo quyết định 48/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính, để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ	TK 511	Có
<p>1. Số thuế phải nộp: Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ, đã cung cấp cho khách hàng và xác định đã tiêu thụ</p> <p>2. Trị giá các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển trong kỳ</p> <p>3. Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911</p> <p>- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.</p>	<p>1. Số doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã xác định là tiêu thụ.</p>	

### **1.2.1.4 Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức bán hàng.**

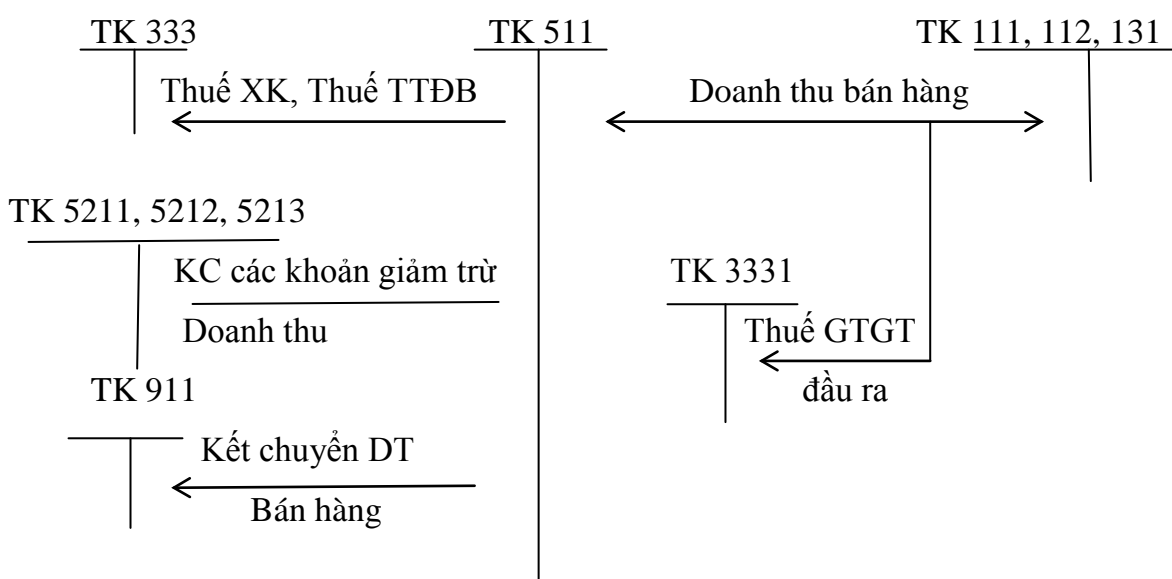
\* Phương thức bán hàng trực tiếp:

Theo phương thức này, người bán giao hàng hoá trực tiếp cho người mua tại kho, quầy, hay tại bộ phận sản xuất. Hàng hoá khi giao cho người mua được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì được coi là đã tiêu thụ.

\* Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận:

Là phương thức mà bên bán chuyển hàng cho bên mua đến một địa điểm thoả thuận trước. Số hàng này vẫn thuộc sở hữu của bên bán, chỉ khi nào bên mua đã kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng hoá chuyển giao mới được coi là tiêu thụ.

- Phương pháp hạch toán:

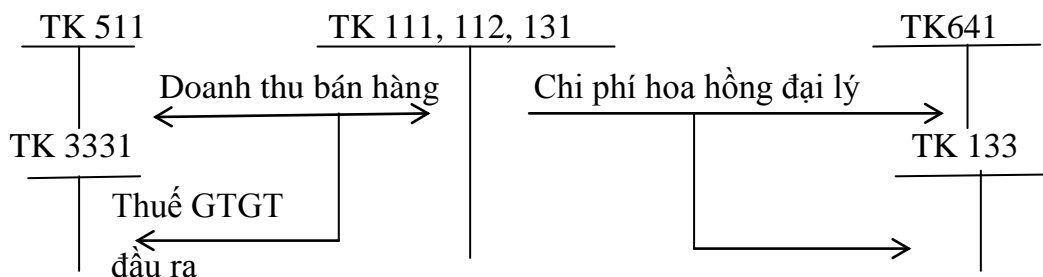


**Sơ đồ 1.1. Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp và phương thức chuyển hàng.**

\* Phương thức bán hàng qua đại lý:

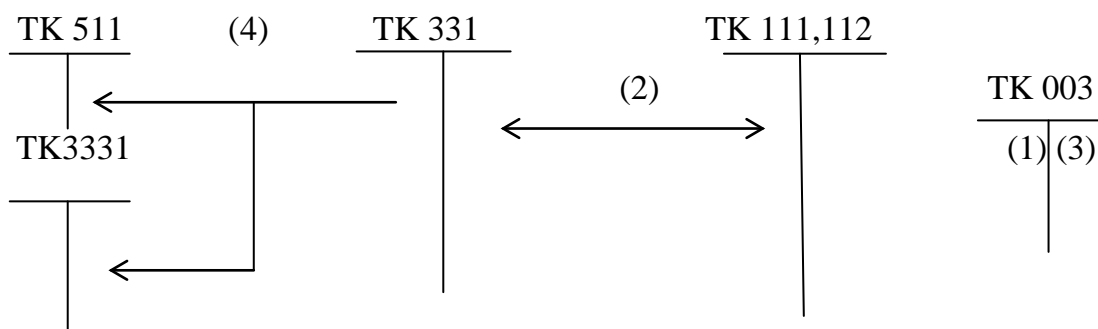
Là phương thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở nhận đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Sau khi bán được hàng, cơ sở đại lý thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp thương mại và được hưởng một khoản tiền gọi là hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại, đến khi cơ sở đại lý thanh toán tiền bán hàng hoặc chấp nhận thanh toán thì nghiệp vụ bán hàng mới hoàn thành.

- Kế toán ở đơn vị giao đại lý



Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng ở đơn vị giao đại lý.

- Kế toán ở đơn vị nhận đại lý:



Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng ở đơn vị nhận đại lý.

Chú giải:

- (1) Khi nhận hàng để bán
- (2) Số tiền hàng phải trả cho bên giao đại lý
- (3) Trị giá của số hàng nhận đại lý xác định là đã tiêu thụ
- (4) Xác định số hoa hồng phải thu của đơn vị giao đại lý

### 1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1.2.1.2 Khái niệm

Căn cứ theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

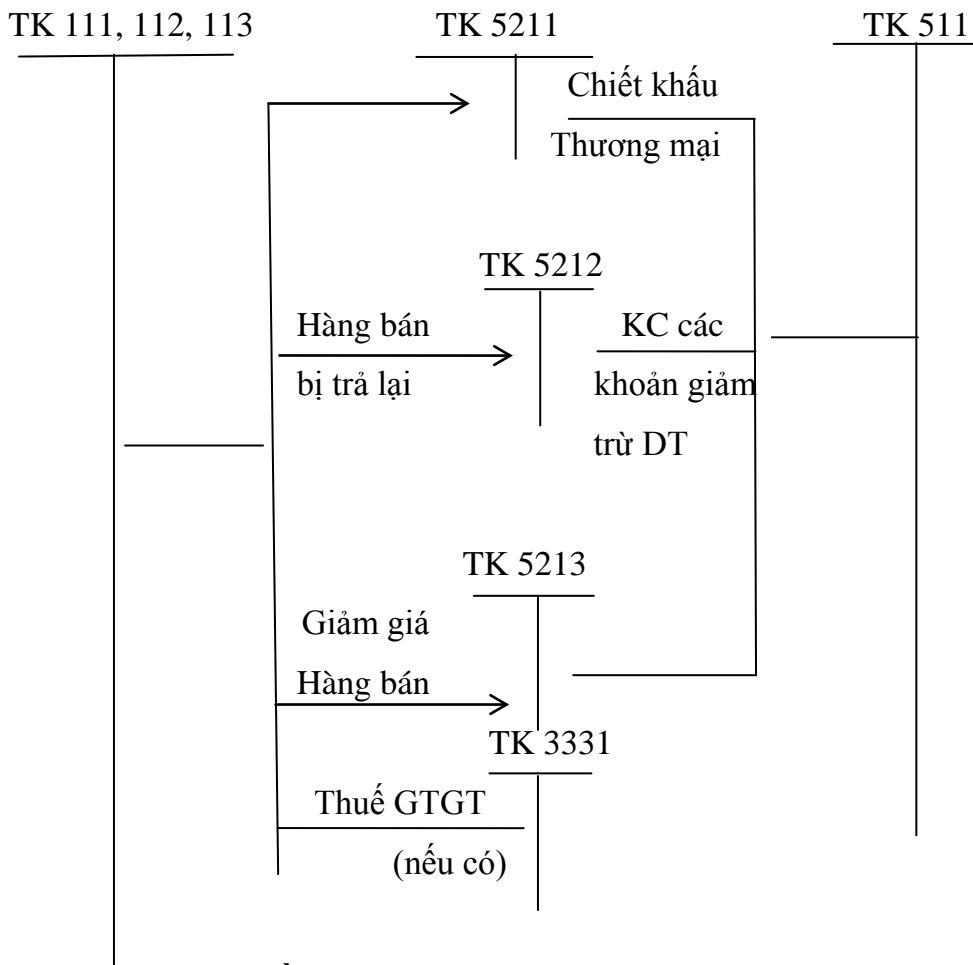
- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giá trị hàng bán trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

**1.2.2.2 Tài khoản sử dụng**

- TK 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng (TK 5211).</li> <li>- Trị giá của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc đã trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bị trả lại (TK 5212).</li> <li>- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng (TK 5213).</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển toàn bộ giá trị của các khoản giảm trừ doanh thu sang bên Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

**1.2.2.3 Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.**



Sơ đồ 1.4 Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

### 1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

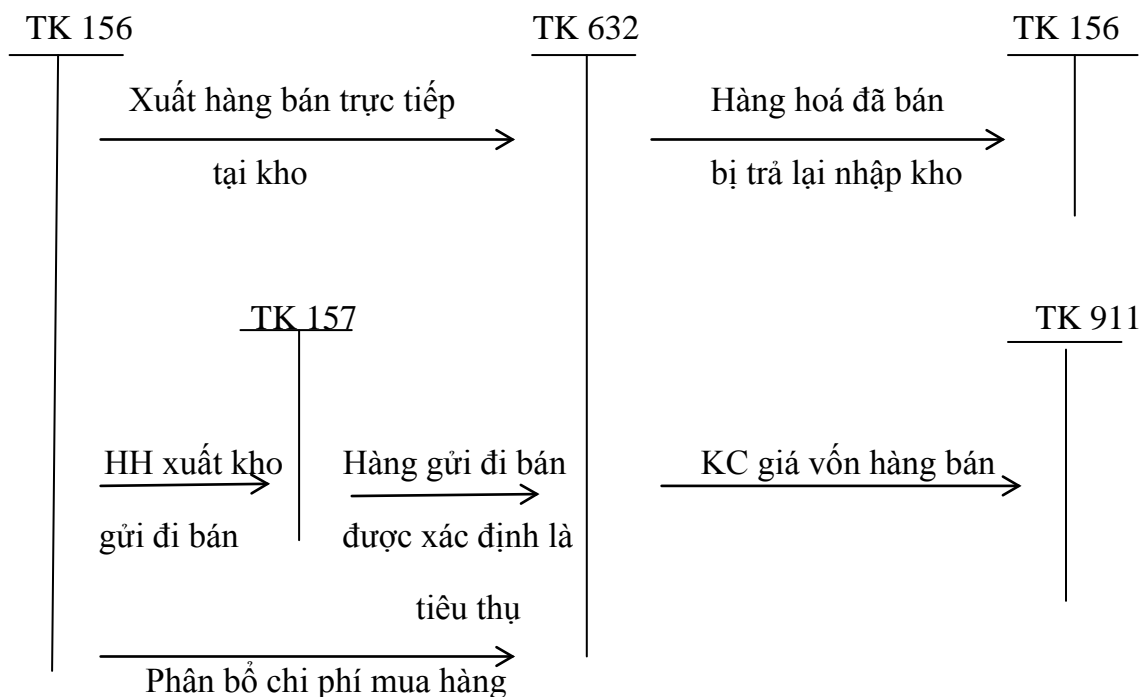
#### 1.2.3.1 Khái niệm

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của hàng hoá hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Riêng đối với các doanh nghiệp thương mại, không sản xuất ra sản phẩm mà chỉ thực hiện các chức năng tiêu thụ sản phẩm thì giá vốn hàng bán còn bao gồm cả chi phí thu mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán trong kỳ.

#### 1.2.3.2 Tài khoản sử dụng.

Nợ	TK 632	Có
- Phản ánh giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ- Kết chuyển giá vốn hàng bán  - Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.		- Giá vốn của hàng hoá bị trả lại đã tiêu thụ trong kỳ vào TK 911

#### 1.2.3.3 Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

#### 1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

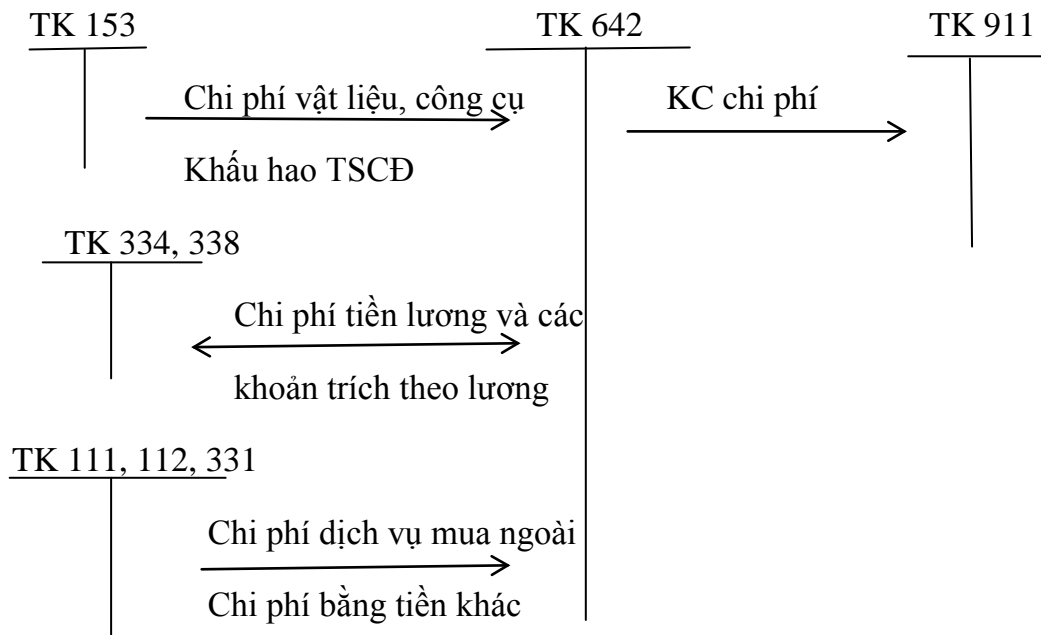
**1.2.4.1 Khái niệm**

Chi phí quản lý kinh doanh là chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

**1.2.4.2 Tài khoản sử dụng**

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ	- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ sang bên Nợ của TK 911 để xác định kết quả kinh doanh	
- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ		

**1.2.4.3 Trình tự hạch toán**



**Sơ đồ 1.6. Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**



### 1.2.5 Kế toán chi phí tài chính

#### 1.2.5.1 Khái niệm

Chi phí tài chính bao gồm:

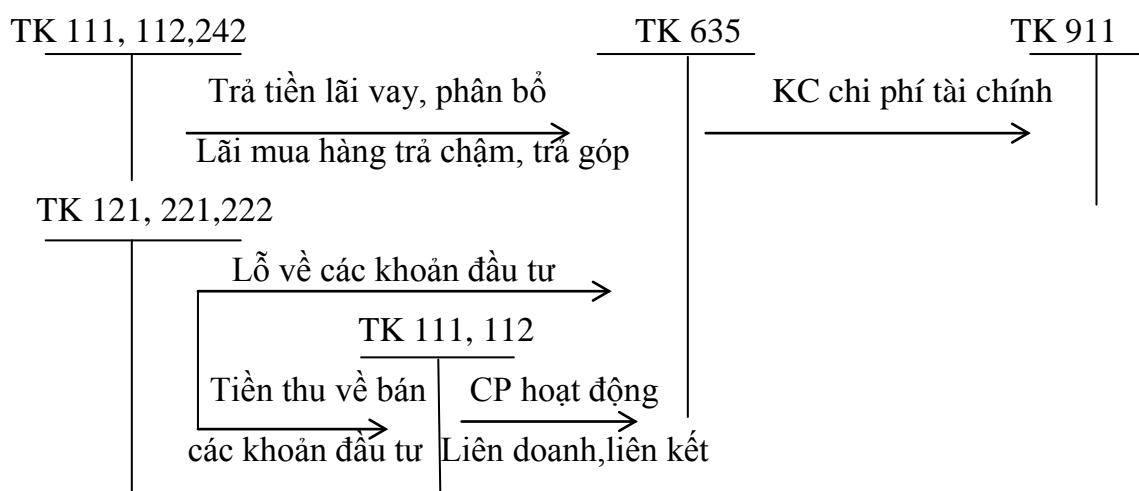
- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...
  - Khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán
  - Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ

#### 1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn TK 911</li> <li>- Các khoản chi phí về hoạt động liên doanh liên kết.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính vào bên Nợ để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

#### 1.2.5.3 Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.7 Trình tự hạch toán chi phí tài chính

## 1.2.6 Kế toán doanh thu tài chính

### 1.2.6.1 Khái niệm

Doanh thu tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính...

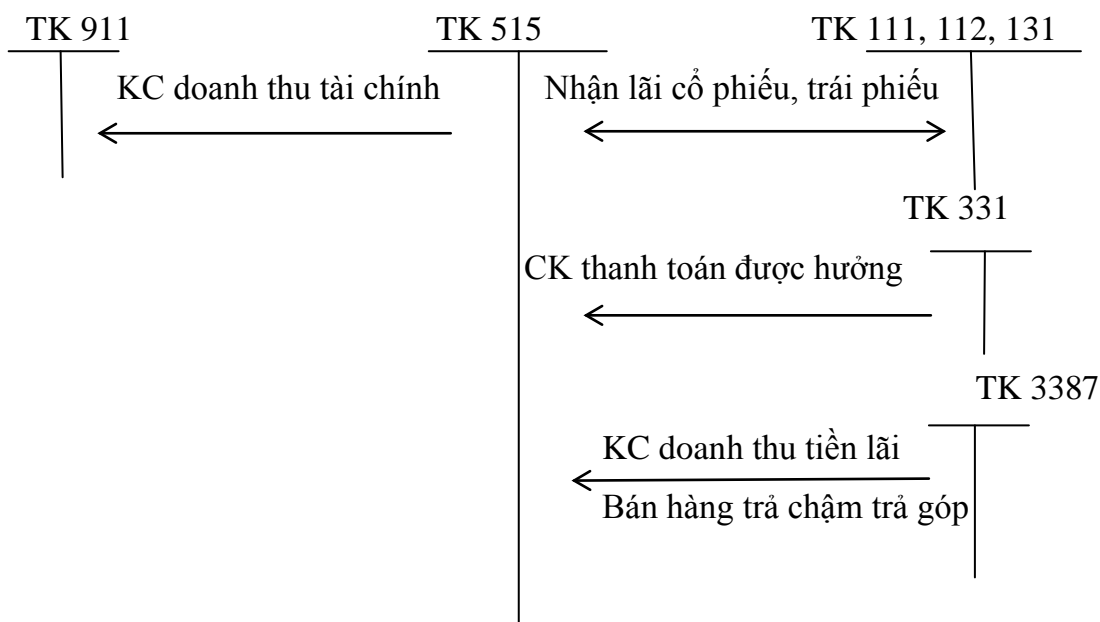
- Thu nhập từ thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...)

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

### 1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

Nợ	TK 515	Có
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang bên có TK 911 để xác định kết quả kinh doanh  - Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ		- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

### 1.2.6.3 Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.8 Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

**1.2.7 Kế toán chi phí khác**

**1.2.7.1 Chi phí khác bao gồm:**

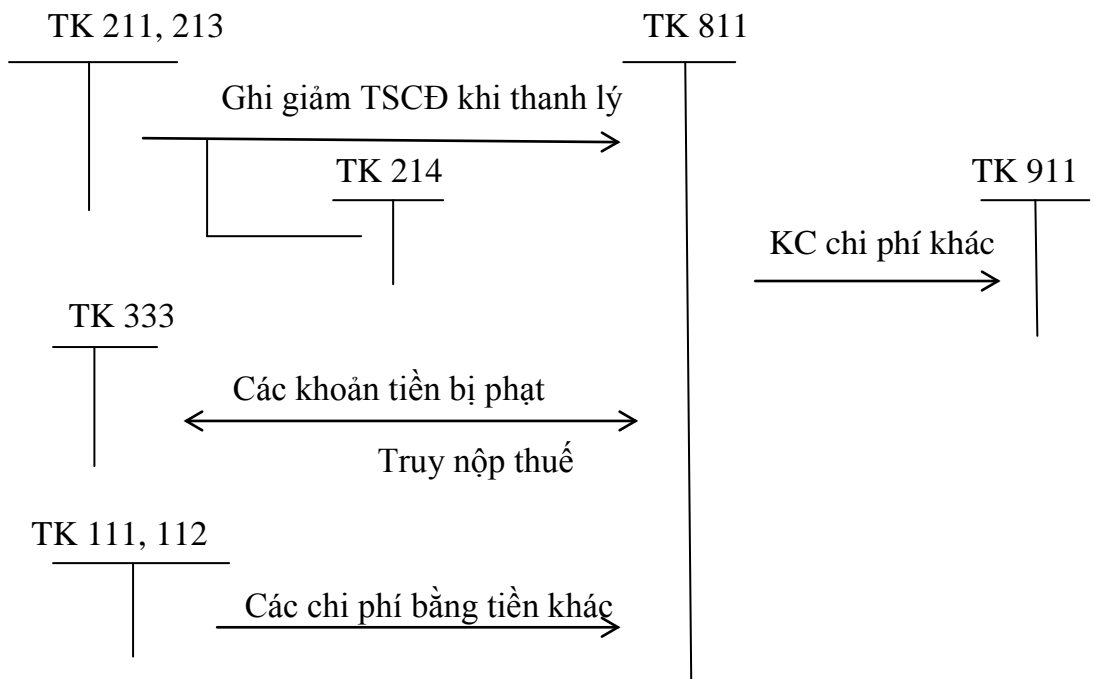
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác...

**1.2.7.2 Tài khoản sử dụng**

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ		- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh sang bên Nợ TK 911

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

**1.2.7.3 Trình tự hạch toán**



**Sơ đồ 1.9 Trình tự hạch toán chi phí khác**

**1.2.8 Kế toán thu nhập khác**

**1.2.8.1 Thu nhập khác bao gồm:**

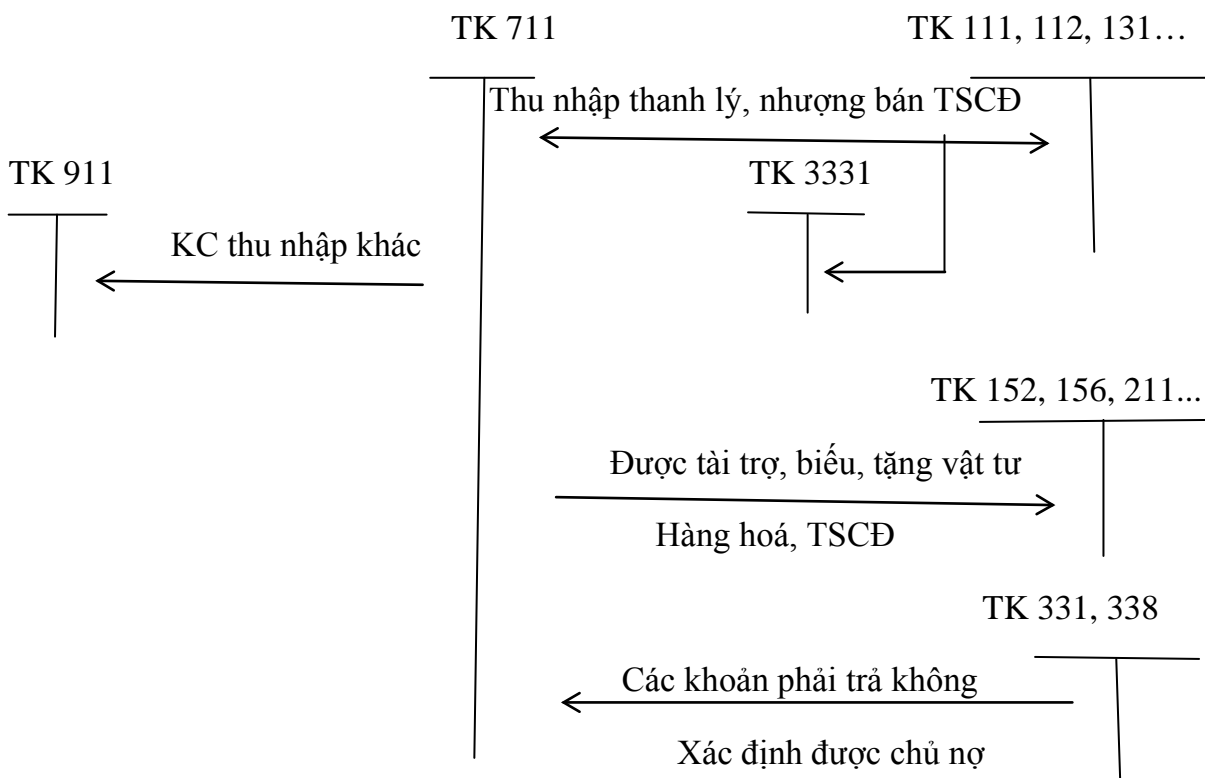
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền phạt do khách vi phạm hợp đồng, từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý
- Các khoản thuế được NSNN hoãn lại
- Thu nhập quà biếu, thu các khoản nợ phải trả do không xác định chủ nợ

**1.2.8.2 Tài khoản sử dụng**

Nợ	TK 711	Có
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản Thu nhập khác trong kỳ sang bên Có TK 911	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ	

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

**1.2.8.3 Trình tự hạch toán**



**Sơ đồ 1.10 Trình tự hạch toán thu nhập khác**

### 1.3 KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

#### 1.3.1 Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

##### 1.3.1.1 Khái niệm

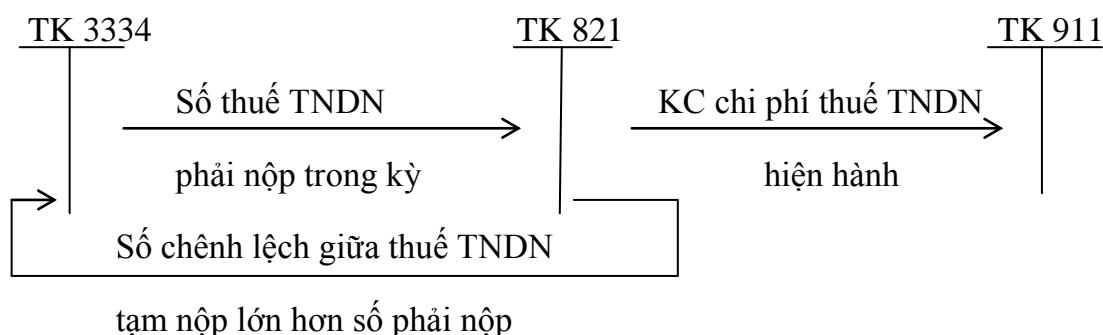
- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của doanh nghiệp

##### 1.3.1.2 Tài khoản sử dụng

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ nhỏ hơn số thuế TNDN đã nộp - Kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả	- Chênh lệch số thuế TNDN phải nộp trong năm	

- Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

##### 1.3.1.3 Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.11 Trình tự hạch toán phí thuế TNDN hiện hành

#### 1.3.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

##### 1.3.2.1 Khái niệm

- Kết quả hoạt động, sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần với giá vốn hàng bán (gồm giá sản phẩm, hàng hoá dịch vụ) và chi phí quản lý kinh doanh.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu tài chính và chi phí tài chính

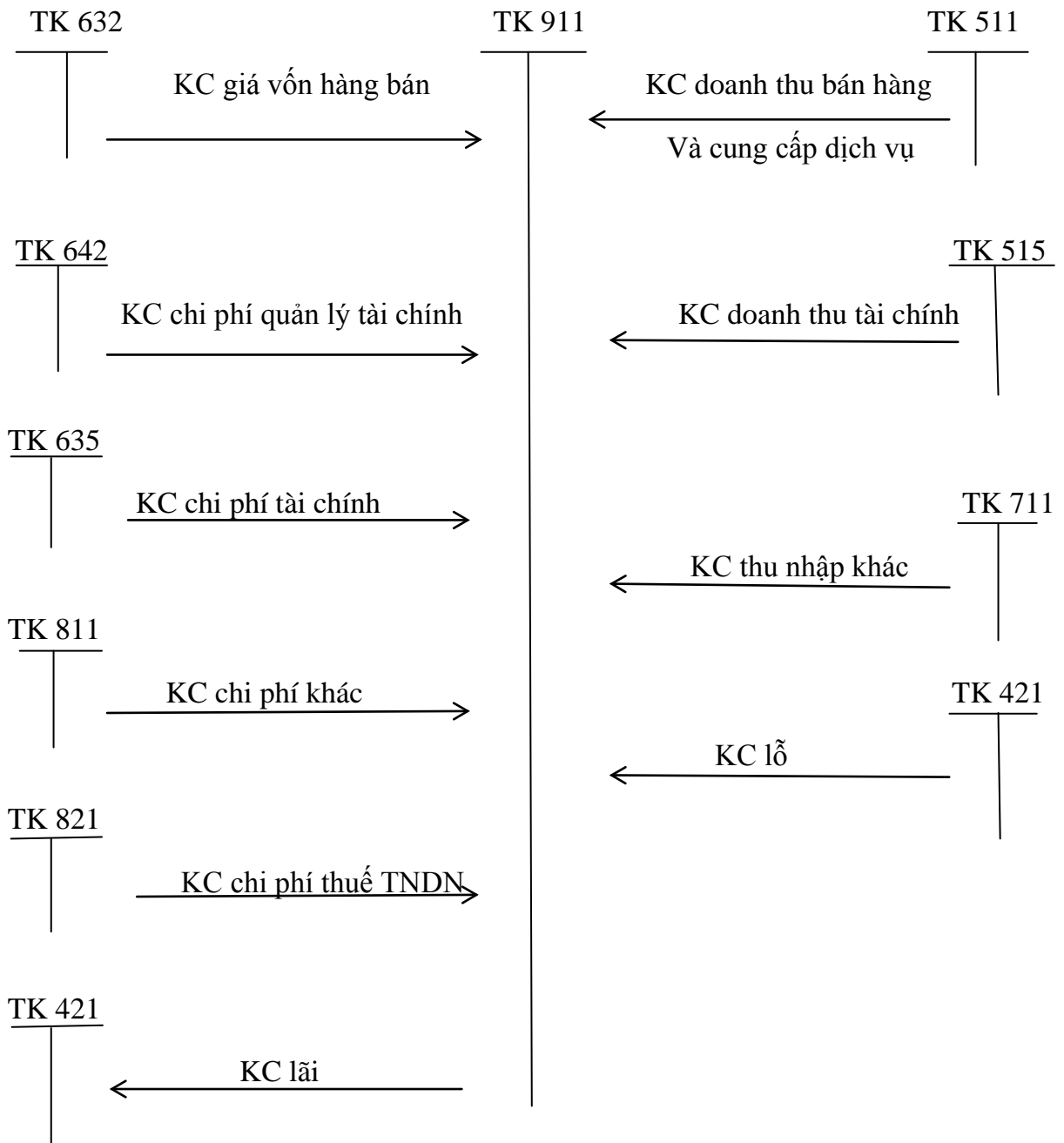
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với khoản chi phí khác

- Lợi nhuận sau thuế là chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán trước thuế với chi phí thu nhập doanh nghiệp.

### **1.3.2.2 Tài khoản sử dụng**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ</li> <li>- Chi phí tài chính và chi phí khác</li> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh</li> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</li> <li>- Kết chuyển</li> <li>- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.</li> <li>- Kết chuyển lỗ sản xuất kinh doanh</li> </ul>	

### **1.3.2.3 Trình tự hạch toán**



Sơ đồ 1.12 Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT**

### **2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT**

#### **2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển công ty.**

★ Giới thiệu chung về công ty

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Minh Phát

- Địa chỉ trụ sở: Số 7, Khối Tân Thành, Phường Hoà Hiếu, Thị Xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An.

- Điện thoại: 0383881948

- Fax: 0383881948

- Mã số thuế: 2900615930

- Tài khoản: 51310000004727 Ngân hàng đầu tư và phát triển BIDV chi nhánh Thị Xã Thái Hoà

- Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh tổng số vốn công ty quản lý.

★ Quá trình phát triển của công ty.

- Công ty Cổ phần Minh Phát được thành lập và đi vào hoạt động ngày 1 tháng 01 năm 2005 với số vốn ban đầu là 2,000,000,000 đồng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo luật doanh nghiệp. Hoạt động của Công ty bao gồm:

+ Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Mua bán, đại lý hàng công nghệ phẩm, hàng thực phẩm

+ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

+ Vận tải hàng hoá bằng đường bộ

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Mua bán động cơ diesel và phụ tùng thay thế)



+ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Mua bán tấm lợp tôn, xà gỗ)

+ Bán buôn các loại nước giải khát,...

- Để đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng, mở rộng quy mô hoạt động và có nhiều cơ hội để phát triển trong lĩnh vực thương mại công ty phần lớn sử dụng nguồn lực lao động có trình độ, được đào tạo có chuyên môn.

- Tính đến thời điểm hiện nay công ty đã đi vào hoạt động được 10 năm, có thể nói công ty cổ phần Minh Phát có chỗ đứng vững chắc trên địa bàn tỉnh Nghệ An và thương hiệu của công ty có uy tín trên thị trường.

### **2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ của Công ty**

#### **2.1.2.1 Chức năng**

- Công ty Cổ phần Minh Phát chuyên Mua bán ô tô, động cơ Diezen, máy phục vụ nông nghiệp, phụ tùng thay thế, mua bán tấm lợp tôn xà gỗ, vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, dịch vụ vận tải đường bộ. Ngoài ra Công ty còn là đại lý mua, bán hàng công nghệ phẩm, hàng tiêu dùng cá nhân gia đình. Công ty Cổ phần Minh Phát là cầu nối quan trọng trong việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ vận tải cho các vùng ở miền Tây bắc Nghệ An như: Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong... và các vùng lân cận như Thanh Hoá.

#### **2.1.2.2 Nhiệm vụ**

- Chấp hành nghiêm pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước

- Đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả và phát triển nguồn vốn kinh doanh để tái đầu tư, làm cho công ty ngày một lớn mạnh.

- Làm tốt công tác quản lý lao động, chú trọng đến công tác bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của công ty, thường xuyên chăm lo cho đời sống, sức khoẻ, nâng cao thu nhập cho nhân viên.

- Góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trong và ngoài địa bàn hoạt động của công ty

### **2.1.3 Thuận lợi và khó khăn của Công ty.**

#### **2.1.3.1 Thuận lợi**

- Hiện nay, nền kinh tế phát triển nhu cầu xây dựng, sinh hoạt của con người ngày càng tăng nên hình thức kinh doanh của công ty phù hợp với xu hướng, nắm bắt được thị hiếu của con người. Đây là thuận lợi giúp công ty tăng khả năng hoạt động kinh doanh của mình, tạo được chỗ đứng vững chắc như hiện tại.

- Nguồn nhân lực dồi dào được trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ thuật, tay nghề tốt là yếu tố quan trọng giúp công ty đạt được hiệu quả trong kinh doanh.

- Uy tín, thương hiệu Công ty ngày càng trở nên phổ biến, chất lượng hiệu quả công việc của công nhân viên, máy móc thiết bị, dịch vụ đã đem lại sự tin tưởng, tín nhiệm của khách hàng dành cho Công ty, tạo tiền đề cho công ty mở rộng và phát triển hơn nữa.

- Địa bàn hoạt động của Công ty là nơi giao thoa, là đầu mối quan trọng của vùng tây bắc Nghệ An. Có thể nói đây là vị trí thuận lợi nhất để hoạt động kinh doanh nhất là buôn bán thương mại về hàng hoá phục vụ công trình xây dựng và các hàng công nghệ phẩm,..

#### **2.1.3.2 Khó khăn**

- Trong tương lai gần có nhiều công ty mới được thành lập hoạt động trong cùng lĩnh vực khả năng cạnh tranh lớn hơn khiến công ty phải thay đổi chiến lược cạnh tranh.

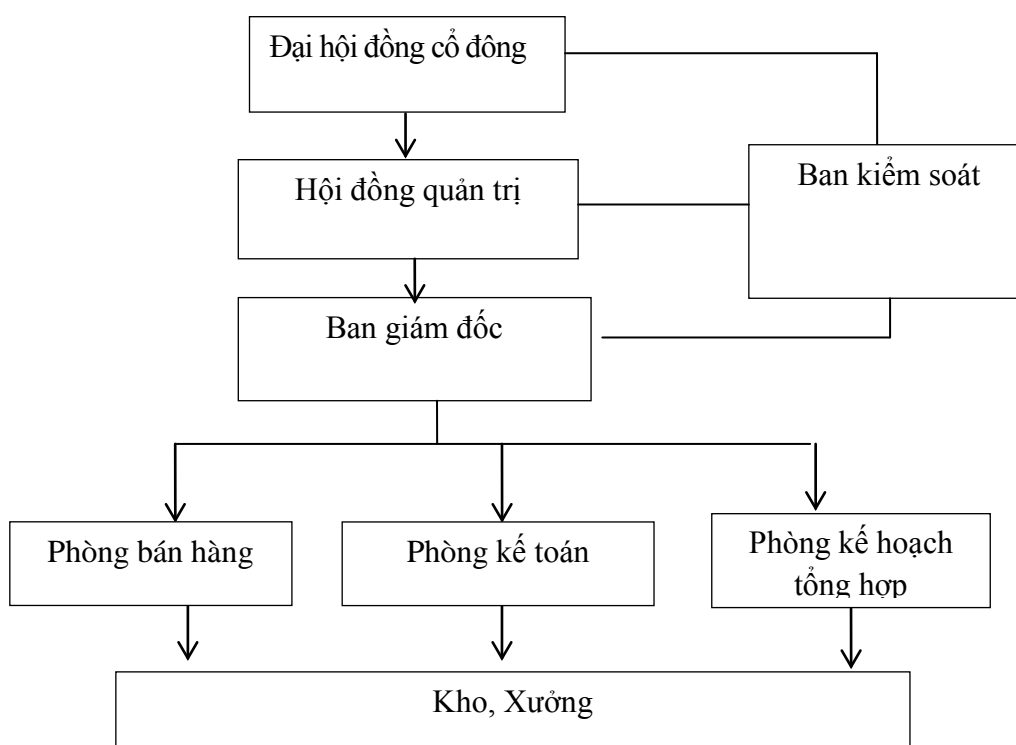
- Công ty cũng là đại lý mua, bán hàng công nghệ phẩm, hàng tiêu dùng gia đình cũng không tránh khỏi hàng quá hạn sử dụng.

- Cơ sở vật chất của công ty chưa thực sự đảm bảo, dịch vụ vận tải dễ xảy ra rủi ro.

### **2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty.**

#### **2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty**

- Công ty Minh Phát là công ty cổ phần được góp vốn bởi các thành viên, bộ máy quản lý bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, dưới quyền kiểm soát của Giám đốc có Phòng kế toán, Phòng bán hàng giúp giám đốc điều hành Công ty và chỉ đạo cho các công nhân thực hiện công việc.



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Minh Phát.**

#### 2.1.4.2 Chức năng của từng bộ phận.

- Giám đốc: Có nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, chiến lược đã đề ra, chủ động quyết định mọi hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra còn có nhiệm vụ giám sát, kiểm tra hoạt động của các phòng ban, kho xưởng cấp dưới.

- Phòng kế toán: Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, trung thực và đầy đủ toàn bộ tài sản, nguồn vốn và phân tích toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Lập đủ và gửi đúng hạn các báo cáo kế toán, thống kê, quyết toán của đơn vị theo chế độ quy định. Đánh giá hiệu quả của Công ty, tham mưu cho giám đốc trong công tác quản lý và sử dụng vốn, khai thác mở rộng thị trường kinh doanh.

- Phòng bán hàng: Là nơi đón tiếp khách hàng và có nhiệm vụ kiểm tra hàng hoá thực xuất cho khách hàng, ghi chép kiểm tra đầy đủ, chính xác các đơn hàng như: thông tin địa chỉ khách hàng, số lượng bán, mặt hàng...

- Phòng kế hoạch kinh doanh: Tham mưu cho ban giám đốc trong việc lập các kế hoạch tổ chức kinh doanh, bán hàng và phối hợp với các bộ phận khác để thực hiện mục tiêu đề ra.

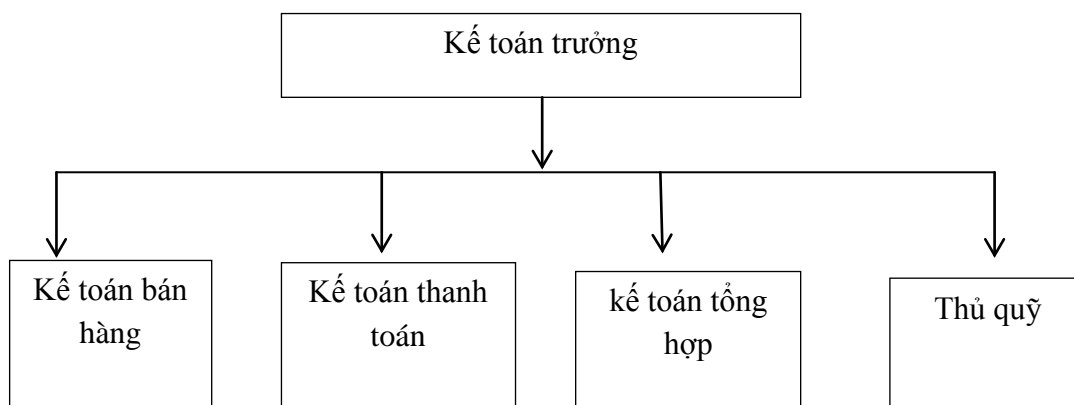
- Kho, Xưởng: là nơi để chứa đựng hàng hoá, phương tiện vận tải đường bộ và cũng có thể là nơi sửa chữa phương tiện khi cần thiết.

**2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty.**

**2.1.5.1 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty**

Phòng kế toán của Công ty có 5 người, mỗi nhân viên đều đảm nhận mỗi phần công việc phù hợp với bản thân và được sự hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra của kế toán trưởng. Nhiệm vụ phòng kế toán của Công ty là bám sát quá trình kinh doanh phản ánh và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời chính xác phục vụ cho công tác quản lý và chỉ đạo kinh doanh. Đồng thời ghi chép sổ kế toán và trực tiếp các nghiệp vụ phát sinh toàn Công ty.

Với nhiệm vụ như vậy bộ máy công ty được tổ chức bố trí theo sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Minh Phát**

**2.1.5.2 Chức năng của từng bộ phận.**

- Kế toán trưởng: Là người phụ trách chung công tác kế toán tại Công ty, có trách nhiệm giúp Giám đốc điều hành toàn bộ công tác kế toán. Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, chính xác, trung thực, đầy đủ để thực hiện phân tích tình hình kinh tế trong công ty nhằm đánh giá đúng tình hình kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ tổng hợp số cái và lập báo cáo kế toán, thu thập nhập các số liệu phát sinh hàng ngày.

- Kế toán thanh toán có nhiệm vụ theo dõi các khoản phải thu, phải trả với người mua, người bán và các khoản tạm ứng trong công ty, theo dõi, kiểm tra các khoản nợ vay...

- Kế toán bán hàng theo dõi chi tiết về hàng hoá, dịch vụ về tình hình biến động của hàng hoá trong doanh nghiệp.

- Thủ quỹ có nhiệm vụ quản lý tiền mặt và trực tiếp thu chi tiền mặt trong công ty. Căn cứ vào các chứng từ phát sinh của kế toán để thu, chi tiền vào sổ quỹ.

### **2.1.5.3 Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.**

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ: Việt Nam đồng (VND)

- Chuẩn mực kế toán áp dụng: Công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành theo Quyết định 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006.

- Hình thức kế toán: Công ty Cổ phần Minh Phát là đơn vị kinh doanh có quy mô nhỏ. Nhằm quản lý, giám sát, theo dõi toàn bộ tài sản, tiền vốn và hoạt động của đơn vị một cách hiệu quả và hợp lý, Công ty đã sử dụng kế toán máy dựa trên hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

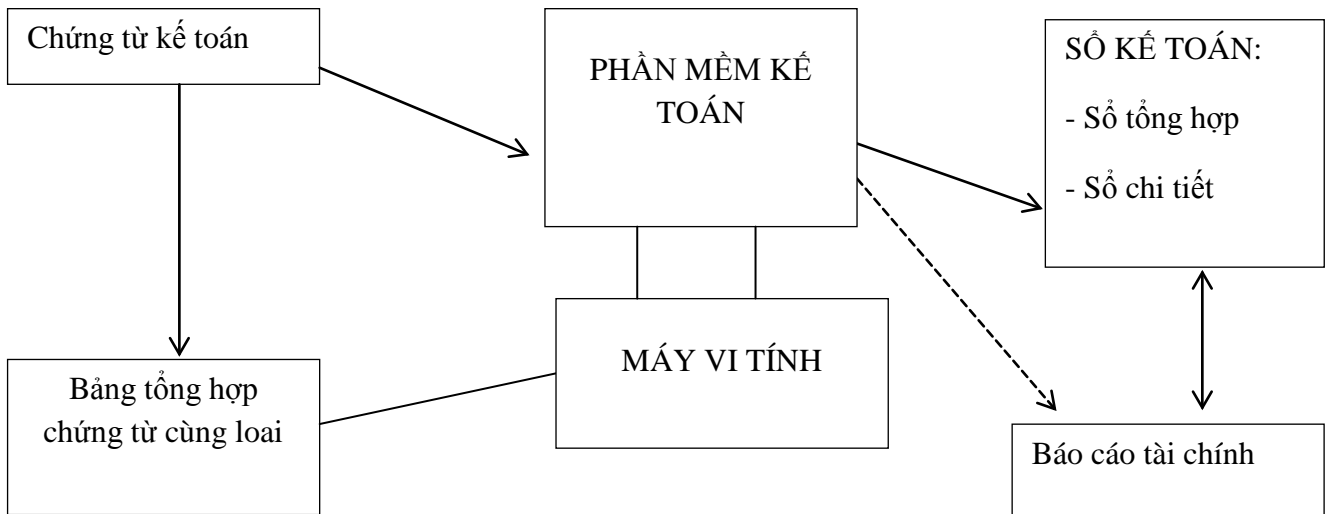
★ Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty.

- Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại đã kiểm tra, kế toán xác định các tài khoản ghi Nợ, ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán lập báo cáo tài chính và khoá sổ.

★ Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Minh Phát:



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày           →
- In sổ, báo cáo cuối kỳ   - - - - ->
- Đối chiếu, kiểm tra      →

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.**

**2.1.6 Tình hình nguồn lực của Công ty**

**2.1.6.1 Tình hình tài sản**

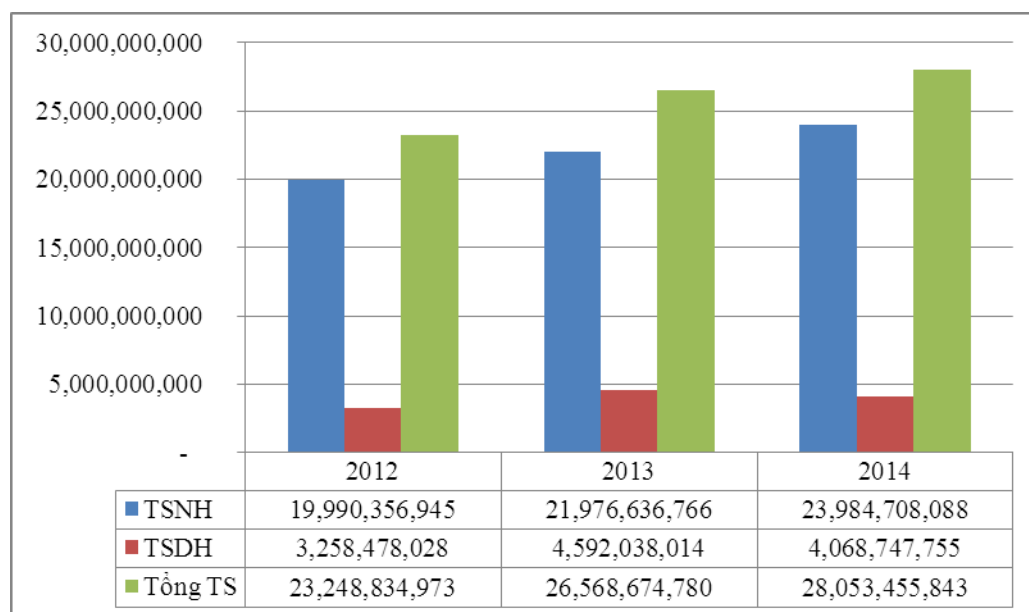
Mỗi Công ty từ lúc mới thành lập hay đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều không thể thiếu nguồn lực là tài sản. Yếu tố quan trọng góp phần hình thành và duy trì quá trình hoạt động của Công ty đảm bảo quá trình vận hành được diễn ra ổn định và có hiệu quả.

Căn cứ vào báo cáo tài chính qua các năm 2012, 2013, 2014 ta có bảng sau thể hiện sự thay đổi về tình hình Tài sản của Công ty 3 năm qua như sau:

**Bảng 2.1 Tình hình tài sản của công ty cổ phần minh phát (2012- 2014)**

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh			
							2013/2012		2014/2013	
	Gía trị	%	Gía trị	%	Gía trị	%	Gía trị	%	Gía trị	%
Tổng tài sản	23,248,834,973	100.00	26,568,674,780	100	28,053,455,843	100.00	3,319,839,807	14.28	1,484,781,063	5.59
A. TSNH	19,990,356,945	85.98	21,976,636,766	82.72	23,984,708,088	85.50	1,986,279,821	9.94	2,008,071,322	9.14
I. Tiền và các ktd	655,602,517	3.28	718,650,974	3.27	851,392,411	3.55	63,048,457	9.62	132,741,437	18.47
II. Đầu tư TCNH		0.00		0.00		0.00	-		-	
III. KPT ngắn hạn	4,199,863,765	21.01	3,881,775,837	17.66	3,714,549,735	15.49	318,087,928	-7.57	167,226,102	-4.31
1. Phải thu KH	3,888,908,887	92.60	2,983,242,767	76.85	2,932,825,964	78.96	905,666,120	-23.29	50,416,803	-1.69
2. Các khoản phải thu khác	310,954,878	7.40	898,533,070	23.15	781,723,771	21.04	587,578,192	188.96	116,809,299	13.00
IV. Hàng tồn kho	14,516,890,663	72.62	16,447,182,093	74.84	18,585,315,765	77.49	1,930,291,430	13.30	2,138,133,672	13.00
V. TSNH khác	618,000,000	3.09	929,027,862	4.23	833,450,177	3.47	311,027,862	50.33	95,577,685	10.29
1. Thuế GTGT đc khấu trừ	618,000,000	100.00	503,040,448	54.15	407,462,763	48.89	114,959,552	-18.60	95,577,685	-19.00
2. Tài sản ngắn hạn khác		0.00	425,987,414	45.85	425,987,414	51.11	425,987,414		-	0.00
B. TSDH	3,258,478,028	14.02	4,592,038,014	17.28	4,068,747,755	14.50	1,333,559,986	40.93	523,290,259	11.40
I. TSCĐ	3,258,478,028	100.00	4,235,187,769	92.23	3,711,897,510	91.23	976,709,741	29.97	523,290,259	12.36
1. Nguyên giá	5,561,316,235	170.67	5,561,316,235	131.31	5,561,316,235	149.82	-	0.00	-	0.00
2. Hao mòn lũy kế	2,302,838,207	-70.67	2,826,128,466	-66.73	3,349,418,725	-90.23	523,290,259	22.72	523,290,259	18.52
3. Chi phí XDCBDD		0.00	1,500,000,000	32.67	1,500,000,000	36.87	1,500,000,000		-	0.00
II. TSDH khác		0.00	356,850,245	7.77	356,850,245	8.77	356,850,245		-	0.00

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Minh Phát)



**Biểu đồ 2.1. Tình hình tài sản công ty giai đoạn 2012 - 2014**

Nhìn vào biểu đồ ta thấy tổng Tài sản của Công ty Cổ phần Minh Phát tăng đều qua 3 năm từ 23.248.834.973 đồng(năm 2012) lên 26.568.674.780 đồng (năm 2013) và năm 2014 là 28.053.455.843 đồng. Cụ thể, năm 2013 tăng hơn 3,32 tỷ đồng tương ứng tăng 14,28% so với 2012, năm 2014 tăng gần 1,5 tỷ đồng tương ứng tăng 5,59% so với năm 2013. Lý do chủ yếu là do sự tăng lên của tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty so với tài sản dài hạn. Tài sản dài hạn có tăng lên vào năm 2013 nhưng có xu hướng giảm xuống vào năm 2014 nhưng không đáng kể. Cụ thể:

- Tài sản ngắn hạn từ năm 2012 là 19.990.356.945 đồng tăng 9,94% lên 21.976.636.766 đồng vào năm 2013, đến năm 2014 tăng lên 23.984.708.088 đồng tương ứng tăng 9,14%. Trong đó:

+Tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh hơn so với các khoản mục khác năm 2012 là 655.602.517 đồng tăng 718.650.974 đồng(năm 2013) tương ứng là 9,6% đến năm 2014 tăng lên 851.392.411 đồng tương ứng tăng 18,47% qua đó cho thấy chiều hướng hoạt động của Công ty phát triển tích cực và có hiệu quả trong kinh doanh.

+ Khoản phải thu ngắn hạn nhìn chung có xu hướng giảm trong đó: Khoản phải thu khách hàng giảm năm 2012 là 3.888.908.887 đồng xuống 2.983.242.767 đồng năm 2013 tương ứng giảm 23,29%, năm 2014 là 2.932.825.964 đồng tương ứng giảm 1,69%. Các khoản phải thu khác có tăng mạnh từ năm 2012 đến năm 2013 nhưng đến



năm 2014 có xu hướng giảm nhẹ. Điều đó thể hiện được Công ty đã thu hồi được các khoản nợ từ khách hàng, tạo điều kiện hoạt động tốt cho Công ty.

+ Hàng tồn kho tăng đều qua 3 năm từ năm 2012 là 14.516.890.663 đồng lên 16.447.182.093 đồng tương ứng 13,30%, năm 2014 tăng lên 18.585.315.765 đồng tương ứng tăng 13%. Doanh nghiệp chủ yếu kinh doanh thương mại nên cần chú ý đến lượng hàng tồn kho có thể nhu cầu thị trường giảm nên doanh nghiệp cần chú ý phương án để giải quyết.

- Tài sản dài hạn: Năm 2012 tăng từ 3.258.478.028 đồng lên 4.592.038.014 đồng (năm 2013) tương ứng tăng 40,93%. Tuy nhiên đến năm 2014 giảm xuống 4.068.747.755 đồng tương ứng giảm 11,4%. Trong đó nguyên giá Tài sản cố định duy trì ở mức ổn định trong 3 năm là 5.561.316.235 đồng nhưng hao mòn lũy kế có sự thay đổi từ năm 2012 là 2.302.838.207 đồng tăng lên 2.826.128.466 đồng tương đương tăng 22,72%, năm 2014 tăng lên 3.349.418.725 tương ứng tăng 18,52% do máy móc thiết bị, nhà xưởng thường xuyên, hoạt động lâu năm. Vì vậy Công ty nên đầu tư, xây dựng thêm cơ sở, máy móc thiết bị mới. Đây cũng chính là lý do năm 2013, 2014 có thêm khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 1.500.000.000 đồng chiếm 32,67% khoản mục TSCĐ. Năm 2012 Công ty không có khoản mục TSDH khác nhưng năm 2013, 2014 chiếm giá trị nhỏ trong TSDH là 356,850,245 đồng.

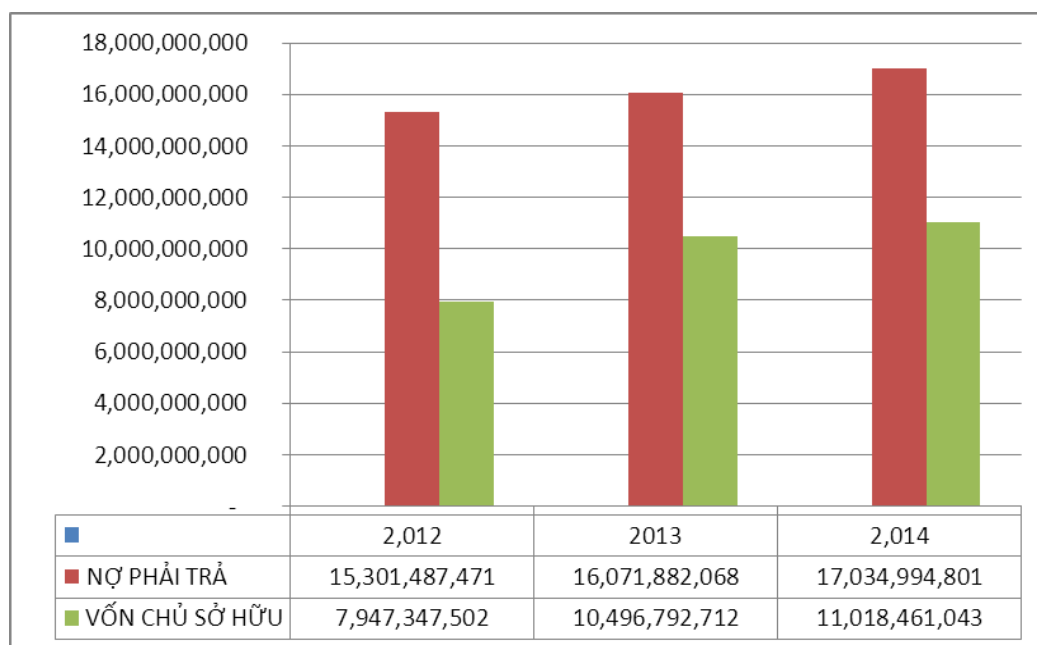
#### **2.1.6.2 Tình hình nguồn vốn**

Nguồn vốn kinh doanh của Doanh nghiệp là toàn bộ số vốn để đảm bảo đầy đủ nhu cầu về tài sản giúp cho quá trình kinh doanh được liên tục và có hiệu quả. Căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty năm 2012, 2013, 2014, ta có bảng và biểu đồ thể hiện sự thay đổi về tình hình Nguồn vốn của Công ty qua 3 năm như sau:

**Bảng 2.2 Tình hình nguồn vốn của công ty cổ phần Minh Phát (2012-2014)**

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh			
							2013/2012		2014/2013	
	Gía trị	%	Gía trị	%	Gía trị	%	Gía trị	%	Gía trị	%
TỔNG NGUỒN VỐN	23,248,834,973	100.00	26,568,674,780	100.00	28,053,455,844	100.00	3,319,839,807	14.28	1,484,781,064	5.59
A. NỢ PHẢI TRẢ	15,301,517,771	65.82	16,091,912,368	60.57	17,065,557,201	60.83	790,394,597	5.17	973,644,833	6.05
I. Nợ ngắn hạn	15,301,517,771	100.00	16,091,912,368	100.00	17,065,557,201	100.00	790,394,597	5.17	973,644,833	6.05
1. Vay ngắn hạn	13,074,559,000	85.45	14,074,447,000	87.46	14,500,000,000	84.97	999,888,000	7.65	425,553,000	3.02
2. Phải trả cho người bán	1,344,469,721	8.79	1,677,181,148	10.42	2,091,444,892	12.26	332,711,427	24.75	414,263,744	24.70
3. Thuế và các KPN NN	745,458,750	4.87	163,253,920	1.01	308,549,909	1.81	- 582,204,830	-78.10	145,295,989	89.00
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	30,300	0.00	20,030,300	0.19	30,562,400	0.28	20,000,000	66,006.60	10,532,100	-
5. Phải trả người lao động	137,000,000	0.90	157,000,000	0.98	135,000,000	0.79	20,000,000	14.60	22,000,000	- 14.01
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	7,947,317,202	34.18	10,476,762,412	39.43	10,987,898,643	39.17	2,529,445,210	31.83	511,136,231	4.88
I. Vốn chủ sở hữu	7,947,317,202	100.00	10,476,762,412	100.00	10,987,898,643	100.00	2,529,445,210	31.83	511,136,231	4.88
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3,200,000,000	40.27	3,200,000,000	30.54	3,200,000,000	29.12	-	-	-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	1,322,000,000	16.63	1,322,000,000	12.62	1,322,000,000	12.03	-	-	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	5,000,000	0.06	1,535,000,000	14.65	1,535,000,000	13.97	1,530,000,000	30,600.00	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	3,420,317,202	43.04	4,419,762,412	42.19	4,930,898,643	44.88	999,445,210	29.22	511,136,231	11.56

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Minh Phát)



**Biểu đồ 2.2. Tình hình nguồn vốn công ty giai đoạn 2012 - 2014**

Dựa vào biểu đồ ta thấy, Tổng nguồn vốn của Công ty tăng qua 3 năm cụ thể: Năm 2012 từ 23.248834.973 đồng lên 26.568.674.780 đồng năm 2013 tăng gần 14,3%. Đến năm 2014 tăng lên 28.053.455.844 đồng tương ứng tăng gần 5,6%. Ta thấy qua 3 năm thì tỷ trọng Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn ngày càng tăng lên lớn hơn so với Nợ phải trả. Cụ thể qua 3 năm, tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn lần lượt là 34,18%; 39,43%; 39,47%. Nợ phải trả là: 65,82%; 60,57%; 60,83%. Điều này cho thấy tuy tổng nguồn vốn của Công ty tăng nhưng chủ yếu là do nguồn đi vay chủ yếu là vay ngắn hạn có thể kéo theo các khoản chi phí phát sinh khác làm giảm hiệu quả kinh doanh. Vì vậy nên có các phương án huy động vốn để đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nợ phải trả: Để nâng cao hiệu quả, cạnh tranh trên thị trường doanh nghiệp không chỉ sử dụng nguồn vốn góp từ các cổ đông mà cần có nguồn vốn khác như vay từ các nguồn khác (vay ngắn hạn). Nợ phải trả của Công ty là nợ ngắn hạn trong đó:

+ Năm 2012- 2013 Vay ngắn hạn tăng từ 13.074.559.000 đồng lên 14.074.447.000 đồng tương đương 7,65%, Phải trả cho người bán tăng từ 1.344.469.721 đồng lên 1.677.181.148 đồng tương đương 24,75%, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm hơn 582 triệu đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng mạnh từ

30.300 đồng lên 20.030.300 đồng tương đương 66.006%. Điều đó cho ta thấy Công ty chủ yếu là vay ngắn hạn để phục vụ cho việc kinh doanh nhưng chưa thực sự có hiệu quả cao.

+ Năm 2013- 2014 Vay ngắn hạn tăng hơn 425 triệu đồng, Phải trả người bán tăng hơn 414 triệu đồng, thuế các khoản phải nộp nhà nước và phải trả người lao động giảm, quỹ khen thưởng phúc lợi tăng hơn 10 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu: Qua 3 năm vốn đầu tư của chủ sở hữu và vốn khác của chủ sở hữu không thay đổi.

+ Năm 2012- 2013 Vốn chủ sở hữu tăng 7.947.317.202 đồng lên 10.476.762.412 đồng tương đương tăng 31,83% chủ yếu là do lợi nhuận chưa phân phối tăng gần 1 tỷ đồng và quỹ đầu tư phát triển tăng đột biến từ 5 triệu đồng lên 1,5 tỷ đồng. Con số đó thể hiện được phần nào công ty đã chú trọng đầu tư để phát triển hoạt động kinh doanh của mình.

+ Năm 2013- 2014 Vốn chủ sở hữu tăng ít hơn so với năm 2012- 2013 tăng từ 10.476.762.412 đồng lên 10.987.898.643 đồng tương ứng tăng 4,88% do quỹ đầu tư phát triển không thay đổi, lợi nhuận phân phối tăng ít khoảng 11,56%.

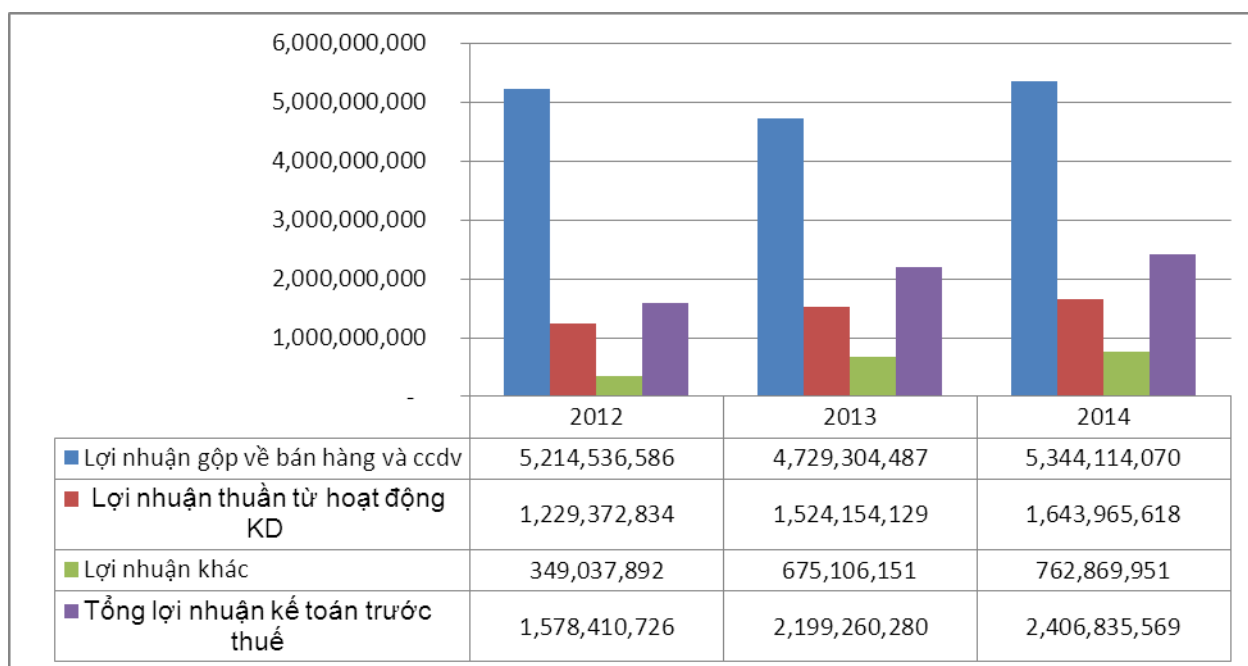
### **2.1.6.3 Tình hình kinh doanh của Công ty.**

Căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Minh Phát trong 3 năm 2012- 2014, ta có bảng tình hình hoạt động kinh doanh và biểu đồ phân tích biến động kinh doanh như sau:

**Bảng 2.3: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh (2012-2014)**

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	So sánh			
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	2013/2012		2014/2013	
				Giá trị	%	Giá trị	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52,145,365,856	60,586,089,737	68,462,281,403	8,440,723,881	16.19	7,876,191,666	13.00
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và ccdv	52,145,365,856	60,586,089,737	68,462,281,403	8,440,723,881	16.19	7,876,191,666	13.00
4. Giá vốn hàng bán	46,930,829,270	55,856,785,250	63,118,167,333	8,925,955,980	19.02	7,261,382,083	13.00
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và ccdv</b>	<b>5,214,536,586</b>	<b>4,729,304,487</b>	<b>5,344,114,070</b>	<b>-485,232,099</b>	<b>- 9.31</b>	<b>614,809,583</b>	<b>13.00</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính			381,485	-		381,485	
7. Chi phí tài chính	2,003,639,850	1,495,718,964	1,366,922,529	-507,920,886	- 25.35	-128,796,435	- 8.61
8. Chi phí bán hàng	1,042,907,317	1,056,566,144	1,458,504,630	13,658,827	1.31	401,938,486	38.04
8. Chi phí quản lý kinh doanh	938,616,585	652,865,250	875,102,778	-285,751,335	- 30.44	222,237,528	34.04
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD</b>	<b>1,229,372,834</b>	<b>1,524,154,129</b>	<b>1,643,965,618</b>	<b>294,781,295</b>	<b>23.98</b>	<b>119,811,489</b>	<b>7.86</b>
10. Thu nhập khác	572,472,213	675,106,151	762,869,951	102,633,938	17.93	87,763,800	13.00
11. Chi phí khác	223,434,321			-223,434,321	- 100.00	-	
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>349,037,892</b>	<b>675,106,151</b>	<b>762,869,951</b>	<b>326,068,259</b>	<b>93.42</b>	<b>87,763,800</b>	<b>13.00</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1,578,410,726</b>	<b>2,199,260,280</b>	<b>2,406,835,569</b>	<b>620,849,554</b>	<b>39.33</b>	<b>207,575,289</b>	<b>9.44</b>
14. Chi phí thuế TNDN	394,602,681	549,815,070	529,503,825	155,212,389	39.33	- 20,311,245	- 3.69
<b>15. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1,183,808,045</b>	<b>1,649,445,210</b>	<b>1,877,331,744</b>	<b>465,637,165</b>	<b>39.33</b>	<b>227,886,534</b>	<b>13.82</b>

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Minh Phát)



**Biểu đồ 2.3. Tình hình kết quả kinh doanh của công ty giai đoạn 2012 - 2014**

Qua biểu đồ cho ta thấy giai đoạn 2012- 2014 là giai đoạn phát triển tương đối ổn định của Công ty:

+ Giai đoạn năm 2012- 2013 hoạt động kinh doanh của Công ty có chiều hướng phát triển tích cực như các chỉ tiêu về lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận khác, đặc biệt là tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng hơn 620 triệu đồng tương đương tăng 39,33% , riêng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm hơn 485 triệu đồng tương đương giảm 9,31% nguyên nhân do giá vốn hàng bán tăng lên 19,02% nhưng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng lên nên phần nào bù đắp được giá vốn hàng bán. Trước tình hình đó Công ty cũng cần có biện pháp để điều chỉnh tiết kiệm chi phí và tăng doanh thu một cách hợp lý.

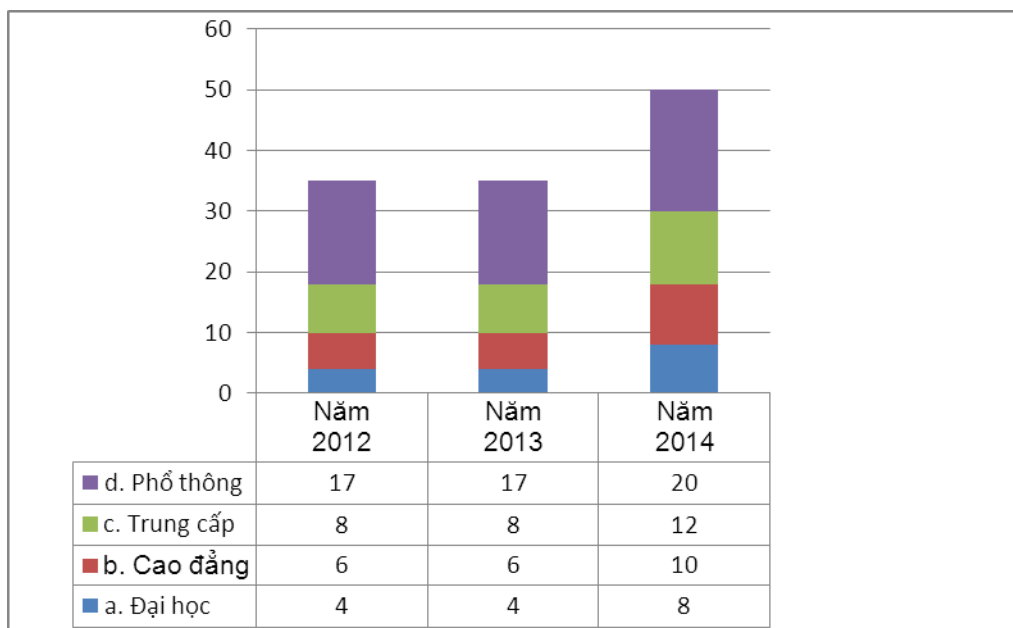
+ Giai đoạn năm 2013- 2014 Công ty vẫn duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng lên 2.406.835.569 đồng tương đương tăng 9,44%, tình hình doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng lên 7,8 tỷ tương đương 13% cải thiện hơn so với năm 2013. Vì Công ty có kế hoạch hoạt động phù hợp, có các đại lý phân phối hàng hoá, dịch vụ vận tải tốt đã thu hút được nhiều khách hàng. Hy vọng trong tương lai Công ty sẽ duy trì ở mức ổn định và ngày càng phát triển hơn nữa.

**2.1.6.4 Tình hình lao động**

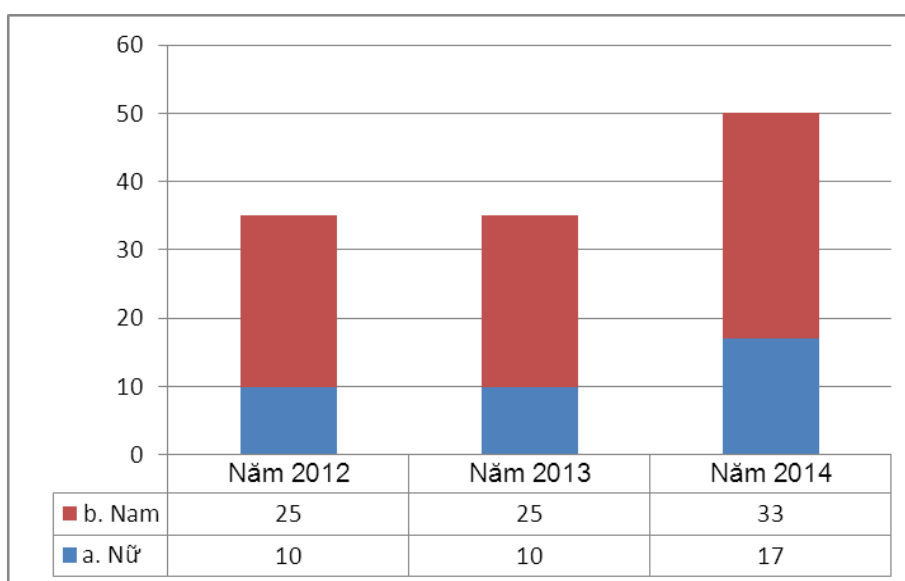
Ngoài những vấn đề tài sản, nguồn vốn thì vấn đề về lao động, về con người ở một doanh nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý vận hành doanh nghiệp đó. Nhận thức được điều đó ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Minh Phát luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp mình. Sự phát triển này không những được thể hiện qua số lượng mà chất lượng công việc được cải thiện qua từng năm cụ thể như sau:

**Bảng 2.4: Tình hình lao động của công ty năm 2012 -2014**

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		2013/2012		2014/2013	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Tổng số	35	100.00	35	100.00	50	142.86	0	0	15	42.86
LĐ chính	15	42.86	15	42.86	20	40	0	0	5	33.33
LĐ thời vụ	20	57.14	20	57.14	30	60	0	0	10	50.00
1. Trình độ lao động										
a. Đại học	4	11.43	4	11.43	8	16	0	0	4	100.00
b. Cao đẳng	6	17.14	6	17.14	10	20	0	0	4	66.67
c. Trung cấp	8	22.86	8	22.86	12	24	0	0	4	50.00
d. Phổ thông	17	48.57	17	48.57	20	40	0	0	3	17.65
2. Theo giới tính										
a. Nữ	10	28.57	10	28.57	17	34	0	0	7	70
b. Nam	25	71.43	25	71.43	33	66	0	0	8	32



**Biểu đồ 2.4: Tình hình lao động của Công ty qua 3 năm phân theo trình độ (2012- 2014)**



**Biểu đồ 2.5: Tình hình lao động của Công ty qua 3 năm 2012- 2014 phân theo giới tính**

Qua bảng phân tích cho ta thấy tình lao động của Công ty năm 2012- 2014 tương đối ổn định và có chiều hướng phát triển tốt trong tương lai:

+ Theo trình độ: Năm 2012, 2013 lao động duy trì ở mức ổn định của toàn Công ty là 35 người. Trong đó lao động là đại học chiếm 11,43%, cao đẳng 17,14%, trung cấp 22,86%, chiếm tỷ trọng lớn nhất lao động Công ty là lao động phổ thông chiếm



48,57%. Bởi vì đặc thù kinh doanh của Công ty là giao hàng, dịch vụ vận chuyển, cất tồn... nên phần lớn lao động là trung cấp và phổ thông. Còn các nhân viên thuộc ban lãnh đạo, phòng bán hàng, phòng kế toán đều có trình độ cao đẳng, đại học nhằm quản lý, điều chỉnh tốt công việc kinh doanh. Riêng năm 2014 Công ty ký kết thêm hợp đồng với một số nhà phân phối về số lượng lao động tăng lên 15 người so với 2 năm trước nhằm đáp ứng nhu cầu công việc trong Công ty.

+ Theo giới tính: Tỷ lệ lao động của Công ty phần lớn là nam giới chiếm từ 25-33% do đặc điểm hoạt động lĩnh vực kỹ thuật, vận chuyển bốc, giao hàng yêu cầu về sức khoẻ. Nhân viên nữ chiếm một phần nhỏ, chủ yếu làm việc ở các phòng kế toán, quản lý, bán hàng. Qua phân tích ta thấy được sự phân bổ nguồn lực của Công ty là hợp lý và mang lại hiệu quả.

## **2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT.**

### **2.2.1 Công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty.**

#### **2.2.1.1 Kế toán doanh thu tại Công ty**

##### **a. Tài khoản sử dụng.**

- Để hạch toán doanh thu của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty sử dụng tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### **b. Điều kiện ghi nhận doanh thu.**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thoả mãn:

+ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hay khả năng trả lại hàng.

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã xác nhận hoàn thành các cam kết. Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì việc xác

định doanh thu trong kỳ phụ thuộc vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

c. Chứng từ kế toán sử dụng

Công ty sử dụng những chứng từ sau để ghi nhận và hạch toán doanh thu:

- Hợp đồng kinh tế
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, Giấy báo Có
- Phiếu xuất kho

d. Trình tự hạch toán

Đối với tài khoản 511, hàng ngày kế toán cập nhật số liệu đưa vào máy tính. Máy tính sẽ tự động phân bổ số liệu vào sổ chi tiết 511, sổ cái TK 511. Cuối mỗi quý, kết toán kết chuyển doanh thu sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của quý đó.

★ Doanh thu bán hàng hoá

Công ty Cổ phần Minh Phát kinh doanh về mặt hàng công nghệ phẩm sử dụng trong gia đình và các hàng tôn, thép phục vụ cho xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường như hiện nay. Vì vậy doanh thu bán hàng chiếm phần lớn trong tổng doanh thu của Công ty.

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 08/11/2014 CN Công ty TNHH MTV Bò Sữa VN- Trang trại bò sữa Nghệ An đặt hàng qua điện thoại, theo yêu cầu của khách hàng Công ty đã xuất bán 75 kg thép hộp kẽm, 52 kg ống mã kẽm các loại, 92 kg tôn lạnh AZ40 đơn giá các mặt hàng như đã thoả thuận. Kế toán lập phiếu xuất kho số 644 và hoá đơn GTGT số 992 thành 3 liên, tổng số tiền hàng phải thu của khách hàng là 5.652.196đ (bao gồm tiền thuế 10%). Theo các chứng từ đã có kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131:	5.652.196
Có TK 5111:	5.138.360
Có TK 3331:	513.836

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: MP/13P			
Ngày 08 tháng 11 năm 2014		Số: 0000992			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP MINH PHÁT					
Mã số thuế: 2900615930					
Địa chỉ: Số 7- Khối Tân Thành- P.Hoà Hiếu- TX.Thái Hoà- Nghệ An					
Điện thoại: 0383 961 789 - Fax: 0383 881 945 * Email: <a href="mailto:tonthepminhphat@gmail.com">tonthepminhphat@gmail.com</a>					
Số tài khoản: 51310000004727 - Tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Phủ Quỳ					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: CN Cty TNHH MTV Bò sữa VN – Trang trại bò sữa Nghệ An					
Địa chỉ: Xóm Đông Thành – Xã Đông Hiếu TX Thái Hoà- Tỉnh Nghệ An					
Mã số thuế: 5000268824- 003					
Hình thức thanh toán:...Chuyển khoản.....					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xuất bán Thép hộp kẽm	Kg	75	18.787,84	1.409.088
2	Xuất bán ống mã kẽm	kg	52	23.986	1.247.272
3	các loại Xuất bán tôn lạnh AZ40	kg	92	26.978,26	2.482.000
Cộng tiền hàng: 5.138.360					
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT: 513.836		
Tổng cộng tiền thanh toán: 5.652.196					
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi sáu đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		( ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
<i>(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập giao nhận hoá đơn)</i>					

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 31/12/2014 Công ty TNHH TM và DV Nhật Dương gọi điện đến Công ty để mua Tôn lạnh kẽm với số lượng là 705 kg, đơn giá 25.000đ/ 1kg như đã thỏa thuận. Theo yêu cầu mua hàng Công ty xuất kho số hàng trên bộ phận kế toán lập phiếu xuất kho 2 liên, đồng thời lập Hoá đơn GTGT số 0134. Liên 1 của 2 chứng từ này lưu tại sổ, liên 2 hoá đơn giao cho khách hàng. Liên 2 phiếu xuất kho giao cho nhân viên bán hàng.

Sau khi giao hàng cho Công ty TNHH TM và DV Nhật Dương, đại diện khách hàng ký vào liên 2 của phiếu xuất kho và hoá đơn GTGT, 2 chứng từ này được giao lại cho khách, Công ty TNHH TM và DV Nhật Dương đã thanh toán bằng tiền mặt số tiền là 19.387.500đ (bao gồm thuế 10%). Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0134 và phiếu xuất kho số 639, phiếu thu số 708 kế toán nhập và định khoản vào máy tính:

Nợ TK 111:	19.387.500
Có TK 5111:	17.625.000
Có TK 3331:	1.762.500

<p><b>HOÁ ĐƠN</b>                      Mẫu số: 01GTKT3/001</p> <p><b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>        Ký hiệu: MP/13P</p> <p>Ngày 31 tháng 12 năm 2014   Số: 0000134</p>					
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP MINH PHÁT</p> <p>Mã số thuế: 2900615930</p> <p>Địa chỉ: Số 7- Khối Tân Thành- P.Hoà Hiếu- TX.Thái Hoà- Nghệ An</p> <p>Điện thoại: 0383 961 789 - Fax: 0383 881 945 * Email: <a href="mailto:tonthepminhphat@gmail.com">tonthepminhphat@gmail.com</a></p> <p>Số tài khoản: 51310000004727 - Tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Phủ Quỳ</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: .....</p> <p>Tên đơn vị: Công ty TNHH TM và DV Nhật Dương.....</p> <p>Địa chỉ: Bãi Trành- Nghi Xuân- Thanh Hoá.....</p> <p>Mã số thuế: .....</p> <p>Hình thức thanh toán:... Tiền mặt.....</p>					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xuất bán Tôn lạnh zắc	Kg	705	25.000	17.625.000
Cộng tiền hàng:					17.625.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.762.500
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					19.387.500
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu ba trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
<i>(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập giao nhận hoá đơn)</i>					

Công ty CP Minh Phát

Mẫu số 01- TT

TX Thái Hoà- Nghệ AN

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Quyển s ố:

Số: PT 00708

Nợ TK: 1111

Có TK: 5113, 3331

Tên người nộp tiền: Công ty TNHH TM và DV Nhật Dương

Địa chỉ : Bài Trành – Như Xuân – Thanh Hoá

Lý do nộp: Xuất bán tôn cho Cty Nhật Dương.

Số tiền:...19.387.500.....

(Viết bằng chữ): Mười chín triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng.

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Người lập phiếu

Thủ quỹ

(ký tên, đóng dấu)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ): Mười chín triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng.

- Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý):.....

- Số tiền quy đổi:.....

★ Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty chủ yếu là vận chuyển hàng hoá, cầu kéo xe, doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty xuất hoá đơn GTGT.

Và hoá đơn GTGT về cung cấp dịch vụ được xuất khi hợp đồng đã được ký kết, khách hàng đã sử dụng dịch vụ hoặc khách hàng thanh toán tiền cho dịch vụ đó. thực

tế tại Công ty doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty phát sinh còn ít, chiếm phần nhỏ trong tổng số doanh thu của toàn Công ty.

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 03/12/2014, Công ty CP Minh phát cung cấp dịch vụ cầu kéo xe cho Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Trung Bộ và được thanh toán bằng tiền mặt số tiền là 3.850.000đ (bao gồm cả thuế 10%). Căn cứ vào phiếu thu 00642 và hoá đơn GTGT số036 kê toán nhập và định khoản như sau:

Nợ TK 111:                    3.850.000  
 Có TK 5113:                   3.500.000  
 Có TK 3331:                   350.000

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: MP/13P			
Ngày 3 tháng 12 năm 2014		Số: 00000036			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP MINH PHÁT					
Mã số thuế: 2900615930					
Địa chỉ: Số 7- Khối Tân Thành- P.Hoà Hiếu- TX.Thái Hoà- Nghệ An					
Điện thoại: 0383 961 789 - Fax: 0383 881 945 * Email: <a href="mailto:tonthepminhphat@gmail.com">tonthepminhphat@gmail.com</a>					
Số tài khoản: 51310000004727 - Tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Phú Quý					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Trung Bộ.....					
Địa chỉ: Tầng 8, toà nhà BIDV, ĐL Lenin, p.Hung Dũng, tp.Vinh, Nghệ An					
Mã số thuế: 0100931299-005					
Hình thức thanh toán:... TM/CK.....					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cầu kéo xe 37C12961	chuyên	1	3.500.000	3.500.000
Cộng tiền hàng:					3.500.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		350.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.850.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi nghìnđồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		( ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
<i>(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập giao nhận hoá đơn)</i>					



Công ty CP Minh Phát TX Thái Hoà- Nghệ AN	Mẫu số 01- TT (Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)			
<b>PHIẾU THU</b>				
Ngày 03 tháng 12 năm 2014	Quyển số: Số: PT 00642 Nợ TK: 111 Có TK: 5113, 3331			
Tên người nộp tiền: Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Trung Bộ Địa chỉ : Tầng 8, Toà nhà BIDV, ĐL Lenin, p. Hưng Dũng, tp Vinh, Nghệ An Lý do nộp: cầu kéo xe 37C 12961. Số tiền: ...3.850.000.....(Viết bằng chữ): Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng Kèm theo: ...01.....chứng từ gốc				
Ngày 03 tháng 12 năm 2014				
Giám đốc (ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người nộp tiền (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ):...Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng..... - Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý):..... - Số tiền quy đổi:.....				

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 07/10/2014 Công ty vận chuyển hàng cho công ty CP đá ốp lát và XD Hà Nội với số tiền cước vận chuyển phải thanh toán là 18.150.000đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%) căn cứ vào chứng từ thu thập được, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 111:	18.150.000
Có TK 5113:	16.500.000
Có TK 3331:	1.650.000

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN****Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Quý 4/ 2014**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
01/10	HĐ 912	Xuất bán tôn lạnh AZ70	131		54.515.455
....	.....	.....	.....	.....	.....
05/10	HĐ 917	Xuất bán tôn màu 0,37 Zắc	111		812.000
05/10	HĐ 918	Xuất bán thép hộp kẽm	111		17.737.500
....	.....	.....	....	.....	.....
07/10	PT 563	Cước vận chuyển đá cho cty CP đá ốp lát và XD Hà Nội	111		16.500.000
....	.....	.....	.....	.....	.....
08/11	HĐ 992	Xuất bán thép hộp kẽm	131		1.409.088
08/11	HĐ 992	Xuất bán ống mã kẽm các loại	131		1.247.272
08/11	HĐ 992	Xuất bán tôn lạnh AZ40	131		2.482.000
03/12	HĐ 034	Cước vận chuyển hàng cho Cty Number One	331		56.629.500
03/12	PT 00642	Cầu kéo xe (36)	111		3.500.000
....	.....	.....	....	.....	.....
....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	HĐ000134	Xuất bán tôn lạnh kẽm	111		17.625.000
31/12	BTCN12	Hỗ trợ DMS (Mua mực in, giấy in)	331		3.000.000
31/12	CTKC	KC Doanh thu để XĐKQKD	911	17.375.605.731	

**Tổng phát sinh Nợ: 17.375.605.731****Tổng phát sinh Có: 17.375.605.731**

Cuối quý, kế toán kết chuyển doanh thu vào bên Có TK 911, cụ thể doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 4 là: 17.375.605.731 đ. Vào thời điểm cuối cùng của năm tài chính, hệ thống sẽ tự tổng hợp doanh thu đã kết chuyển của cả năm để ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh.

#### **2.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

Các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại ở Công ty Cổ phần Minh phát xảy ra rất ít và không xảy ra. Vì hoạt động vận tải hàng hoá bằng đường bộ, hàng công nghệ phẩm được sử dụng trong thời gian ngắn và khi nhập hàng về được Công ty kiểm tra chặt chẽ về mặt chất lượng và các vật liệu công trình xây dựng như tôn, đinh, thép.... Không có hàng bị trả lại nên kế toán không theo dõi trên tài khoản 521 để giảm bớt công việc theo dõi tài khoản. Chính vì vậy các khoản giảm trừ doanh thu thực tế tại Công ty tính đến thời điểm này là không phát sinh.

#### **2.2.1.3 Kế toán giá vốn.**

a. Tài khoản sử dụng.

★ Giá vốn hàng hoá bán ra.

Công ty sử dụng TK 632- Giá vốn hàng bán để hạch toán giá vốn hàng bán ra. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước

b. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hợp đồng kinh tế

- Hoá đơn GTGT

- Phiếu xuất kho

c. Trình tự hạch toán

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ thu được từ các bộ phận liên quan đến việc xuất kho bán hàng, kế toán tập hợp và nhập số liệu vào máy tính. Số liệu được nhập sẽ tự động cập nhật vào sổ chi tiết 632 và sổ cái TK 632. Cuối quý, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911.

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 08/11/2014 theo yêu cầu mua hàng của CN Cty TNHH MTV Bò sữa VN- Trang trại Bò sữa Nghệ An Công ty xuất bán các mặt hàng để phục vụ cho công trình như: Thép hộp kẽm, ống mã kẽm các loại và tôn lạnh AZ40. Theo đó nhân viên bán hàng lập phiếu xuất kho. Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho 00644 và hoá đơn GTGT số 992 hạch toán như sau:

Nợ TK 632:                    3.875.595  
 Có TK 156:                    3.875.595

Công ty CP Minh Phát		Mẫu số: 02- VT					
ĐC: TX Thái Hoà- Nghệ An		(Ban hành theo QĐ 48/2006/ QĐ- BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)					
<b>PHIẾU XUẤT KHO</b>							
<b>Ngày 8/11/2014</b>		Nợ TK: 632					
Số: PX00644		Có TK: 156					
Họ và tên người nhận hàng: CN Cty TNHH MTV Bò sữa VN- Trang trại Bò sữa Nghệ An							
Địa chỉ: Xóm Đông Thành- Xã Đông Hiếu TX Thái Hoà- Tỉnh Nghệ An							
Lý do xuất kho: Xuất bán thép cho CN Bò sữa Nghệ An							
Xuất tại kho: Hàng hoá							
STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xuất bán Thép hộp kẽm	THK	Kg		75	14.823,97	1.111.798
2	Xuất bán ống mã kẽm các loại	OMK	Kg		52	15.109,61	785.700
3	Xuất bán Tôn lạnh AZ40	TLAZ40	kg.		92	21.501,05	1.978.097
	<b>Cộng</b>						<b>3.875.595</b>
- Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm chín lăm đồng chẵn.							
- Số chứng từ gốc kèm theo : .....							
Ngày 08 tháng 11 năm 2014							
Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận hàng (ký, họ tên)	Thủ kho (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)			

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 31/12/2014 theo yêu cầu mua hàng của công ty TNHH TM và DV Nhật Dương, Công ty xuất bán 705kg Tôn lạnh zắc theo đơn giá như đã thoả thuận giữa hai công ty. Căn cứ vào phiếu xuất kho số 639, kế toán tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 632: 17.133.770

Có TK 156: 17.133.770

★ Giá vốn dịch vụ

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ (vận tải hàng hoá) không xác định được giá vốn mua hàng trực tiếp như bán hàng hoá thông thường, Công ty ghi nhận giá vốn qua TK 154 tất cả chi phí phát sinh để tạo doanh thu dịch vụ, cuối quý kết chuyển từ tài khoản 154 sang tài khoản 632 để ghi nhận giá vốn dịch vụ.

- Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc cung cấp dịch vụ sẽ được kế toán tập hợp vào TK 154. Một số chi phí như: Tiền điện, khấu hao TSCĐ, chi phí tiền lương cho công nhân lái xe, các khoản lương và trích theo lương, thanh toán tiền dầu...

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 05/12/2014 Công ty thanh toán tiền dầu Diesel cho DNTN Hoà Thanh tổng số tiền là 6.000.060 đ, căn cứ vào hoá đơn mua hàng GTGT số 422 và phiếu chi số 342 kế toán tiến hành định khoản và nhập vào máy tính :

Nợ TK 154: 5.454.600

Nợ TK 133: 545.460

Có TK 111: 6.000.060

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: HT/14P			
Liên 2: Giao cho người mua		Số: 0000422			
Ngày 26 tháng 11 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: DOANH NGHIỆP TN XĂNG DẦU HOÀ THANH					
Mã số thuế: 2900884796					
Địa chỉ: Số 7- Khối Kim Tân- P.Hoà Hiếu- TX.Thái Hoà- Nghệ An					
Điện thoại/ Fax: 0383 881.746					
Số tài khoản: 51310000042736 - Tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Phủ Quỳ					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Minh Phát.....					
Địa chỉ: Phường Hoà Hiếu- TX Thái Hoà- Nghệ An.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:...Tiền mặt..... MST: 2900615930					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Diesel	Lít	300	18.182	5.454.600
Cộng tiền hàng: 5.454.600					
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT: 545.460		
Tổng cộng tiền thanh toán:6.000.060					
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm sáu mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		( ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
<i>(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập giao nhận hoá đơn)</i>					

Công ty CPMinh Phát P. Hoà Hiếu- TX Thái Hoà- Nghệ An	Mẫu số 02- TT (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)		
<b>PHIẾU CHI</b>			
Ngày 05 tháng 12 năm 2014	Quyền số : Số: PC00342 Nợ: 154, 133 Có: 111		
Họ và tên người nhận tiền: DNTN Hoà Thanh Địa chỉ : P. Hoà Hiếu- TX. Thái Hoà- Nghệ An Lý do chi: Thanh toán tiền dầu Diesel cho DNTN Hoà Thanh Số tiền: 6.000.060 Viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm sáu mươi đồng chẵn . Kèm theo:..... chứng từ gốc			
Ngày 05 tháng 12 năm 2014			
Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng (ký tên, đóng dấu)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu không trăm sáu mươi đồng chẵn			

- Cuối quý, kế toán kết chuyển từ TK 154 sang TK 632 để tập hợp giá vốn dịch vụ. Và TK 632 sẽ bao gồm giá vốn hàng bán ra và giá vốn cung cấp dịch vụ.

Nợ TK 632:                    376.057.017  
 Có TK 154:                    376.057.017

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 154- CHI PHÍ SXKD DỒ DANG****Quý 4/ 2014**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/10	BH10	Bảo hiểm xã hội	3383	1.470.000	
....	.....	.....	.....	.....	.....
31/10	KH10	Trích khấu hao TSCĐ T10/2014	214	34.607.521	
31/10	PC00276	Thanh toán tiền dầu cho CH Xăng dầu Nghĩa Quang	111	14.128.390	
....	.....	.....	.....	.....	.....
....	.....	.....	.....	.....	.....
11/11	PC00335	Thanh toán tiền dầu diesel cho DNTN Hoè Thanh	111	3.454.066	
....	.....	.....	.....	.....	.....
30/11	TL11	Chi phí tiền lương công nhân, lái xe tháng 11/2014	334	70.423.929	
05/12	PC00342	Thanh toán tiền dầu Diesel cho DNTN Hoè Thanh	111	5.454.600	
....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	BH12	Bảo hiểm xã hội	3383	1.470.000	
31/12	BH12	Bảo hiểm y tế	3384	327.500	
....	.....	.....	.....	.....	.....
....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PBCP01	Trích khấu hao TSCĐ T12/2014	214	34.607.521	
31/12	TL12	Chi phí tiền lương Công nhân, lái xe tháng 12/2014	334	82.359.643	
31/12	CTKC	KC sang TK GVHB 632	632		376.057.017

**Tổng số phát sinh bên Nợ: 376.057.017****Tổng số phát sinh bên Có: 376.057.017**



**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632- GIÁ VỐN HÀNG BÁN****Quý 4/ 2014**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
1/10	HĐ 912	Xuất bán Tôn lạnh AZ70	156	52.096.095	
....	.....	.....	.....	.....	.....
16/10	HĐ 956	Xuất bán tôn lạnh AZ40	156	13.038.872	
16/10	HĐ 957	Xuất bán thép hộp kẽm	156	7.208.475	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
02/11	HĐ 981	Xuất bán Tây javen 0,5	156	8.373.040	
....	.....	.....	.....	.....	.....
04/12	HĐ 041	Xuất bán Tôn kẽm Z6 tôn lợp	156	5.153.940	
04/12	HĐ 041	Xuất bán thép U, C kẽm các loại	156	3.638.126	
08/11	HĐ 992	Xuất bán thép hộp kẽm	156	1.111.798	
08/11	HĐ 992	Xuất bán ống mã kẽm các loại	156	785.700	
08/11	HĐ 992	Xuất bán tôn lạnh AZ40	156	1.978.097	
....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	HĐ 134	Xuất bán tôn lạnh zắc	156	17.133.770	
31/12	HĐ 137	Xuất bán Thép hộp kẽm	156	20.717.708	
31/12	CTKC	KC CP dở dang sang giá vốn	154	376.057.017	
31/12	CTKC	KC GVHB sang 911	911		16.078.617.648

**Tổng phát sinh Nợ: 16.078.617.648****Tổng phát sinh Nợ : 16.078.617.648**

-Bút toán kết chuyển giá vốn hàng bán cũng được thực hiện vào cuối mỗi quý sang TK 911 với tổng số phát sinh của TK 632 là:16.078.617.648. Vào cuối năm tài chính, kế toán sẽ tổng hợp giá vốn hàng bán đã kết chuyển của cả năm để cho ra kết quả cuối cùng trên báo cáo kết quả kinh doanh.

**2.2.1.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.**

Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty bao gồm:

- Tiền lương và các khoản trích theo lương
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí tiếp khách, hội họp
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khác như: Điện, nước, điện thoại, Fax...

Đối với chi phí khấu hao TSCĐ, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hằng năm} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng. Thời gian sử dụng của TSCĐ, Công ty áp dụng theo khung quy định tại Thông tư 45/2013 /TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 về quản lý và trích khấu hao TSCĐ.

**Bảng 2.5: Tỷ lệ trích theo lương áp dụng trong năm 2014**

<b>Các khoản trích theo lương</b>	<b>DN (%)</b>	<b>NLĐ (%)</b>	<b>Cộng (%)</b>
1. BHXH	18	8	26
2. BHYT	3	1,5	4,5
3. BHTN	1	1	2
4. KPCĐ	2	0	2
<b>Cộng (%)</b>	<b>24</b>	<b>10,5</b>	<b>34,5</b>

a. Tài khoản sử dụng

Kế toán Công ty sử dụng TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh

b. Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng tính và thanh toán lương
- Bảng trích BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Hoá đơn, Phiếu chi, Giấy báo Nợ...

c. Trình tự hạch toán

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ thu được từ các bộ phận liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh, kế toán tập hợp và nhập số liệu vào phần mềm máy tính. Số liệu được nhập sẽ tự động cập nhật và sổ chi tiết 642, sổ cái TK 642. Cuối quý, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh qua TK 911.

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 01/12/2014 Công ty CP Minh Phát chuyển trả tiền hàng cho công ty TNHH Vico thông qua việc chuyển khoản tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển- CN Phủ Quỳ, phí chuyển tiền là 110.000đ(đã bao gồm GTGT 10%), căn cứ vào UNC số 0026 kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642:	100.000
Nợ TK 133:	10.000
Có TK 112:	110.000

<b>BIDV</b> PAYMENT ORDER	<b>ỦY NHIỆM CHI</b> Ngày/Date: 01/12/2014	Số/sex no: 026		
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">                 Tên TK trích Nợ: Công ty CP Minh Phát                  Số TK trích Nợ: 51310000004727                  Tại NH: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam                  Chi nhánh: Phú Quy.....                  .....             </td> <td style="width: 50%;">                 Người hưởng: CTY TNHH VICO....                  SốCMND/HC: .....                  Nơi cấp:.....                  Số TK: 102010000216098                  Tại NH: TMCP Công thương CN Ngô Quyền Hải Phòng             </td> </tr> </table>		Tên TK trích Nợ: Công ty CP Minh Phát Số TK trích Nợ: 51310000004727 Tại NH: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh: Phú Quy..... .....	Người hưởng: CTY TNHH VICO.... SốCMND/HC: ..... Nơi cấp:..... Số TK: 102010000216098 Tại NH: TMCP Công thương CN Ngô Quyền Hải Phòng	
Tên TK trích Nợ: Công ty CP Minh Phát Số TK trích Nợ: 51310000004727 Tại NH: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh: Phú Quy..... .....	Người hưởng: CTY TNHH VICO.... SốCMND/HC: ..... Nơi cấp:..... Số TK: 102010000216098 Tại NH: TMCP Công thương CN Ngô Quyền Hải Phòng			
Số tiền bằng số:.....200.000.000 VND.....				
Số tiền bằng chữ: Hai trăm triệu đồng .....				
Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền:.....				
Tỷ giá: .....				
Nội dung: .....				
.....				
513 NGOC52008 LINH51005 5131-2-141201-00027 01201001- VND- NHTMCP CONG THUONG VN- HN 01/12/2014 09:53:17 7051 8767 OTA OL4- D513-10-00-0004727-7 VND CONGTY CP MINH PHAT DR 200,000,000.00 VND 1.0000000 CR 200,000,000.00 VND 1.0000000 PHI: 100,000.00 VND VAT: 10,000.00 VND 1.0000000 MST: 2900615930 T. Toan Phi:110,000,00 VND 1.0000000 TK thu phi: 513-10-00-000472-7 VND CTY CP MINH PHAT Ten don vi huong: CTY TNHH VICO CTY CP MINH PHAT CT MUA BOT GIAT				
<b>KHÁCH HÀNG</b>		<b>NGÂN HÀNG</b>		
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Giao dịch viên	Kiểm soát	
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)			

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 31/ 12/ 2014 căn cứ vào bảng tiền lương phải trả cho nhân viên văn phòng và nhân viên bán hàng của tháng 12 (phụ lục 01) với chi phí phát sinh phải trả là 98.775.461 đ, kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 642:            98.775.461

Có TK 334:            98.775.461

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**  
**Quý 4/ 2014**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
01/10	PC 00269	Thanh toán cước dịch vụ Viettel	111	1.033.450	
....	.....	.....	.....	.....	.....
05/10	PC00278	Thanh toán tiền phòng nghỉ	111	772.727	
06/10	UNC337	Phí dịch vụ ngân hàng	112	110.000	
....	.....	.....	.....	.....	.....
....	.....	.....	....	.....	.....
1/11	PC00336	Thanh toán cước điện thoại theo HD 5226631	111	1.372.249	
....	.....	.....	.....	.....	.....
18/11	UNC391	Thanh toán tiền cho DNTN Lộc Lan	112	110.000	
19/11	UNC392	Thanh toán tiền cho công ty TNHH Vico	112	33.000	
....	.....	.....	.....	.....	.....
01/12	UNC 0026	Chuyển tiền Công ty TNHH Vico	112	110.000	
...	....	.....	.....	.....	.....
03/12	UNC 0042	Chuyển trả tiền hàng cho DNTN Lộc Lan	112	82.500	
....	....	.....	.....	.....	.....
....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	TL12	Chi phí tiền lương VP, bán hàng tháng 12/2014	334	98.775.461	.....
31/12	UNC452	Chuyển trả Công ty Number One	112	93.665	
31/12	UNC453	Chuyển tiền mua dầu	112	22.000	
31/12	CTKC	KC CP sang TK 911	911		544.092.461

**Tổng số phát sinh Nợ: 544.092.461**

**Tổng số phát sinh Có: 544.092.461**

Cuối quý kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh với tổng số phát sinh là: 544.092.461 đ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

### **2.2.1.5 Kế toán doanh thu tài chính**

Công ty hoạt động kinh doanh có sử dụng tài khoản tiền gửi tại ngân hàng đầu tư và phát triển BIDV chi nhánh Thị xã Thái hoà nhưng mục đích chính là chuyển khoản thanh toán với các Công ty, khách hàng khác nên lãi tiền gửi phát sinh là rất ít, không đáng kể.

a. Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

b. Chứng từ kế toán sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng

- Thông báo lãi tiền gửi

- Giấy báo Có của ngân hàng

c. Trình tự hạch toán

Khi nhận được thông báo của ngân hàng về lãi tiền gửi và các chứng từ liên quan, kế toán tiến hành nhập vào máy tính và đến cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Ví dụ:** Ngày 25/10/2014 Công ty nhận được thông báo từ ngân hàng đầu tư và phát triển BIDV chi nhánh Thị xã Thái Hoà về việc phát sinh lãi tiền gửi dựa vào chứng từ NTK127 (phụ lục 02) số tiền lãi phát sinh là 24.658đ, kế toán tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 112:                    24.658

    Có TK 515:                24.658

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515- DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH****Quý 4/ 2014**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
25/10	NTK127	Lãi tiền gửi	112		24.658
25/11	NTK144	Lãi tiền gửi	112		32.386
25/12	NTK165	Lãi tiền gửi	112		40.696
31/12	CTKC	KC DT sang TK 911	911	97.740	

**Tổng số phát sinh Nợ: 97.740****Tổng số phát sinh Có: 97.740**

Cuối quý kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động kinh doanh với tổng phát sinh là: 97.740 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**2.2.1.6 Kế toán chi phí tài chính**

- Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là trả nợ và lãi vay Ngân hàng.

**a. Tài khoản sử dụng**

- TK 635: Chi phí tài chính

**b. Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Ủy nhiệm chi

- Giấy báo nợ của Ngân hàng.

**c. Trình tự hạch toán**

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán như ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán sẽ tập hợp vào máy tính. Máy tính sẽ tự động cập nhật vào sổ chi tiết TK 635, sổ cái TK 635. Cuối quý, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 13/10/2014 đến hạn thanh toán ngân hàng đầu tư và phát triển Phú Quý yêu cầu công ty thanh toán khoản lãi với số tiền thanh toán là: 8.600.000đ. Căn cứ vào ủy nhiệm chi 345 và giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán hạch toán số tiền này vào chi phí tài chính:

Nợ TK 635:                    8.600.000

Có TK 112:                    8.600.000

<b>BIDV</b>	<b>UY NHIỆM CHI</b>	Số/sex no: 345
	<b>PAYMENT ORDER</b>	Ngày/Date: 13/10/2014
Tên TK trích Nợ: Công ty CP Minh phát. Số TK trích Nợ: 51382000181957 Tại NH: TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh: Phủ Quỳ.....		Người hưởng:..... Số CMND/HC: ..... Nơi cấp:..... Số TK:..... Tại NH:.....
Số tiền bằng số:.....8.600.000 VND.....		
Số tiền bằng chữ: ... Tám triệu sáu trăm nghìn đồng		
Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền:.....		
Tỷ giá: .....		
Nội dung: Trả lãi vay ngân hàng.....		
.....		
<b>KHÁCH HÀNG</b>		<b>NGÂN HÀNG</b>
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	Giao dịch viên
(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)	Kiểm soát

**Ví dụ cụ thể:** Ngày 20/10/2014 Công ty trả nợ vay cho ngân hàng đầu tư và phát triển BIDV chi nhánh Phủ Quỳ số tiền là 11.354.589đ. Căn cứ vào UNC353 (phụ lục 03) kế toán thu thập chứng từ và tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 635:                    11.354.589

    Có TK 112:                    11.354.589



**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635- CHI PHÍ TÀI CHÍNH****Quý 4/ 2014**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
06/10	UNC336	Trả nợ vay NH	112	3.100.000	
.....	.....	.....	....	.....	.....
13/10	UNC345	Trả lãi vay NH	112	8.600.000	
20/10	UNC353	Trả nợ vay NH	112	11.354.589	
.....	.....	.....	....	.....	.....
.....	.....	.....	....	.....	.....
03/11	UNC366	Trả nợ vay NH	112	7.875.911	
10/11	UNC378	Trả nợ vay NH	112	4.715.556	
10/11	UNC378	Trả nợ vay NH	112	6.908.356	
.....	.....	.....	....	.....	.....
.....	.....	.....	....	.....	.....
06/12	UNC415	Trả lãi vay NH	112	9.400.000	
09/12	UNC419	Trả nợ vay NH	112	6.863.978	
.....	.....	.....	...	.....	.....
25/12	UNC441	Trả lãi vay NH	112	6.100.000	
30/12	Nộp tiền vào tài khoản	Ngân hàng thu nhằm tiền lãi (trả lại)	112		2.696.022
31/12	CTKC	KC CPTC để XĐKQKD	911		306.921.290

**Tổng số phát sinh Nợ: 306.921.290****Tổng số phát sinh Có: 306.921.290**

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí tài chính với tổng số phát sinh quý 4/2014 là 306.921.290 đ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

### **2.2.1.7 Kế toán thu nhập và chi phí khác**

Công ty Cổ phần Minh Phát chuyên về mua bán hàng hoá công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ nên các nghiệp vụ phát sinh về thu nhập và chi phí khác rất ít hoặc không xảy ra. Nếu xảy ra thì phát sinh ở những trường hợp thanh lý tài sản cố định, theo như quan sát và sổ sách, chứng từ Công ty cung cấp thì trong quý 4/2014 thu nhập khác và chi phí khác không phát sinh tại Công ty.

#### a. Tài khoản sử dụng

- TK 711: Thu nhập khác
- TK 811: Chi phí khác

#### b. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu chi, giấy báo Nợ
- Bảng khấu hao đánh giá lại TSCĐ

#### c. Trình tự hạch toán

- Căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán sẽ tổng hợp số liệu thu được vào máy tính. Máy tính sẽ tự động cập nhật vào các sổ cái TK711, TK811, sổ chi tiết TK711, TK811. Cuối quý, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển thu nhập khác và chi phí khác sang tài khoản 911.

- Vì trong quý 4/2014 Công ty không có hoạt động nào phát sinh chi phí và thu nhập khác nên kế toán không tiến hành theo dõi 2 tài khoản này.

### **2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty**

#### **2.2.2.1 Kế toán chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

##### a. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

##### b. Phương pháp hạch toán

Theo Quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty Cổ phần Minh Phát thuộc đối tượng hưởng thuế suất 22%, do doanh thu năm 2013 của Công ty là 60.586.089.737đ (trên 20.000.000.000đ). Vậy thuế suất thuế TNDN hiện tại Công ty áp dụng cho quý 4/2014 là 22%.

Các khoản doanh thu và chi phí thực tế phát sinh trong quý 4/2014 của Công ty Cổ Phần Minh Phát được kế toán kết chuyển vào cuối kỳ để xác định kết quả kinh

doanh như sau:

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận phát sinh trong kỳ} &= \text{Doanh thu phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí phát sinh trong kỳ} \\ &= 17.375.703.471 - 16.929.631.399 \\ &= 446.072.072 \text{ đ}\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Thu nhập chịu thuế} &= \text{Lợi nhuận phát} + \text{Điều chỉnh tăng LN} - \text{Điều chỉnh giảm LN} \\ &\text{sinh trong kỳ} \\ &= 446.072.072 \text{ đ}\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Thu nhập tính thuế} &= \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập miễn thuế} - \text{Số chuyển lỗ (nếu có)} \\ &= 446.072.072 \text{ đ}\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Thuế TNDN phải nộp} &= \text{thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất} \\ &= 446.072.072 \times 22\% \\ &= 98.135.856\end{aligned}$$

Cuối năm Công ty thực hiện quyết toán thuế TNDN cho năm 2014 theo tờ khai mẫu số 03/TNDN- Ban hành kèm theo Thông tư 28/2011/TT- BTC ngày 28/02/2011 của Bộ tài chính. Kèm theo phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo Mẫu số 03- 1A TNDN.

Kể từ ngày 15/11/2014 (Tức là từ kỳ khai thuế quý 4 năm 2014 trở đi) Công ty Cổ phần Minh Phát thực hiện theo điều 17 của thông tư 151/2014/TT- BTC thì doanh nghiệp không phải lập và nộp tờ khai thuế TNDN tạm tính của quý 4, nhưng doanh nghiệp vẫn phải căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh để tạm nộp tiền thuế hàng quý vào ngân sách nhà nước. Đến cuối năm doanh nghiệp chỉ cần nộp báo cáo tài chính năm và tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN.

Khi đã xác định số thuế TNDN tạm tính phải nộp của quý 4 năm 2014, kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 821:	98.135.856
Có TK 3334:	98.135.856

Khi kế toán nộp tạm tiền thuế quý 4 năm 2014 vào ngân sách nhà nước thì tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 3334:	98.135.856
Có TK 111:	98.135.856

Mẫu số C1- 02/NS  
(TT số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014  
của Bộ Tài Chính)  
Mã hiệu: .....  
Số: .....

Không ghi vào  
khu vực này

**GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Tiền mặt  Chuyên khoản

Người nộp thuế: Công ty cổ phần Minh Phát.....Mã số thuế: 2900615930

Địa chỉ: Số 7, Khối Tân Thành, Phường Hoà Hiếu, TX Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An

Huyện: ..... Tỉnh, TP: Nghệ An .....

Người nộp thay: Nguyễn Ngọc Anh.....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: Xã Nghĩa Hồng, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An

Huyện: ..... Tỉnh: Nghệ An

Đề nghị NH (KBNN): .....trích TK số: .....

hoặc thu tiền mặt để :

Nộp vào NSNN  Tạm thu(1)  TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT(2)

Tại KBNN : .....tỉnh, TP: .....

Mở tại NHTM uỷ nhiệm thu :.....

Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền(3):

Kiểm toán NN  Thanh tra TC

Thanh tra CP  CQ có thẩm quyền khác

Tên cơ quan quản lý thu:.....

Tờ khai HQ số(1): ..... ngày: ..... Loại hình XNK(1): .....

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN			Phần dành cho NH uỷ nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
STT	Nội dung các khoản nộp NS (4)	Số tiền	Mã NDKT	Mã chương
1	Nộp thuế TNDN quý IV/2014	98.135.856		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>98.135.856</b>		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Chín mươi tám triệu một trăm ba lăm nghìn tám trăm năm sáu đồng.

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 821- CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**QUÝ 4/ 2014**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12		Phân bổ thuế TNDN tạm tính quý 4/ 2014	3334	98.135.856	
31/12	CTKC	KC chi phí thuế TNDN xác định KQKD	911		98.135.856
		Tổng số phát sinh		98.135.856	98.135.856

**2.2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

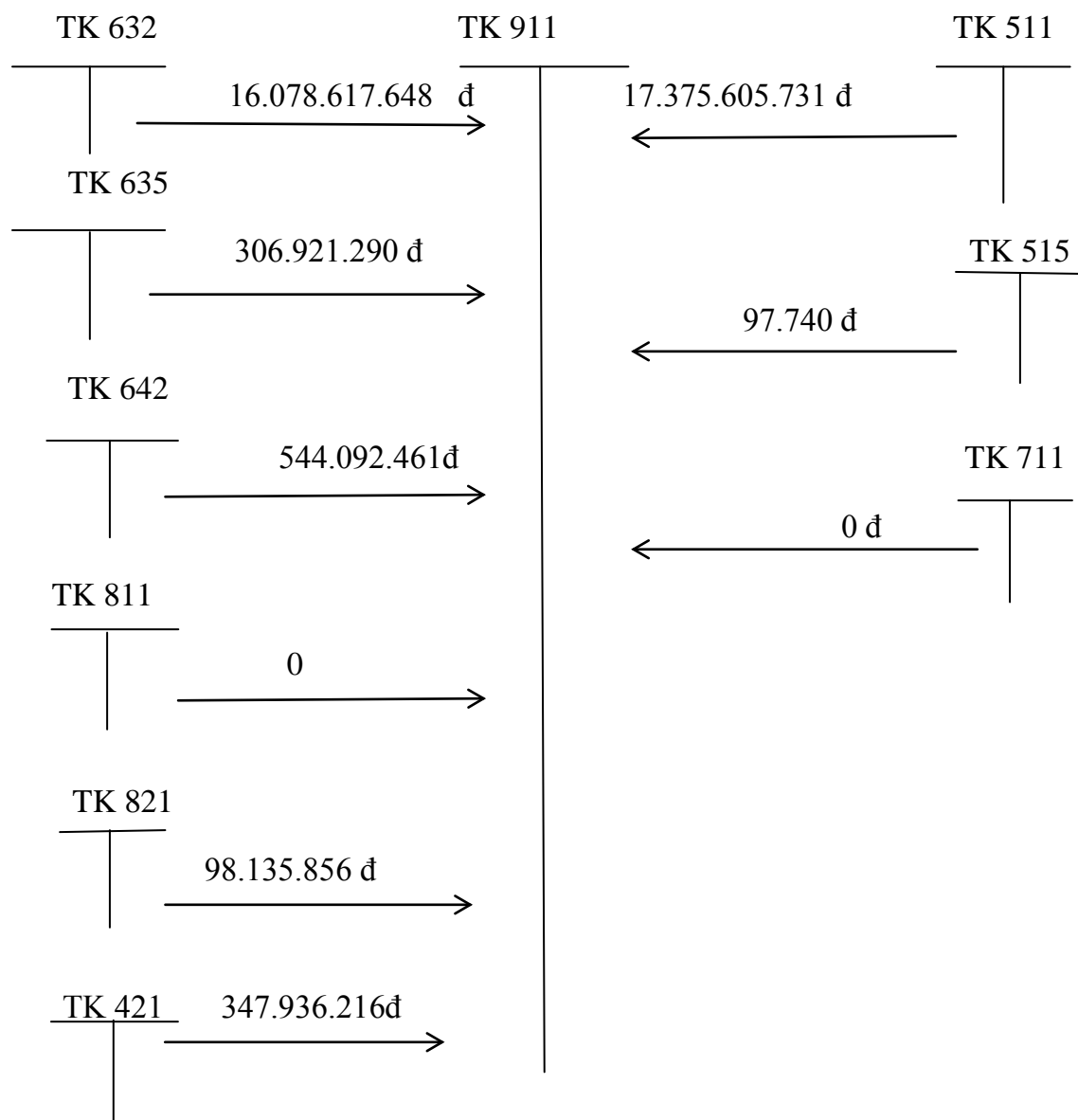
a. Tài khoản sử dụng

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

b. Trình tự hạch toán

- Cuối mỗi quý, kế toán tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí liên quan vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2014 trên TK 911



Ta có sổ cái TK 911:

**SỔ CÁI TK 911- XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

**Quý 4/ 2014**

Chung từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12	CTKC	KC doanh thu bán hàng	511		17.375.605.731
31/12	CTKC	KC Doanh thu tài chính	515		97.740
31/12	CTKC	KC chi phí GVHB	632	16.078.617.648	
31/12	CTKC	KC chi phí tài chính	635	306.921.290	
31/12	CTKC	KC chi phí QLKD	642	544.092.461	
31/12	CTKC	KC CP thuế TNDN	821	98.135.856	
31/12	CTKC	KC lãi	421	347.936.216	

**Tổng phát sinh Nợ:17.375.703.471**  
**Tổng phát sinh Có:17.375.703.471**

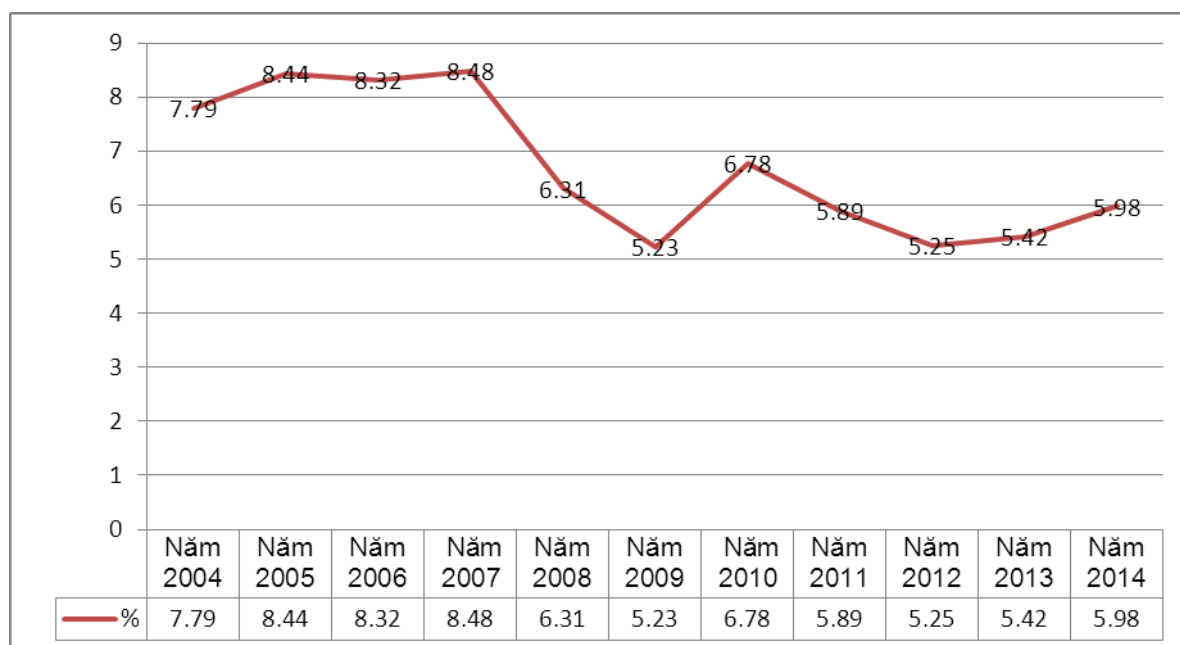
**2.2.3 Phân tích một số lý do ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty Cổ phần Minh Phát.**

**2.2.3.1 Lý do khách quan**

Như chúng ta đã biết theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam qua các năm kể từ năm 2004. Kết quả cho thấy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2007 có mức tăng cao nhất và năm 2009 có mức tăng thấp nhất. Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam chính thức trở thành thành viên WTO nên có nhiều cơ hội cũng như điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế, các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế đều được hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Trong năm 2007, Việt Nam được xếp vào hàng các quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong khu vực. Trước tình hình khủng hoảng tài chính thế giới nổ ra năm 2008, nền kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó. Ở giai đoạn này, mức

tăng GDP luôn thấp hơn 7% và ngày càng đi xuống, đến năm 2012 chỉ còn 5,25%, chưa bằng hai phần ba so với mức trước khủng hoảng.

Đến năm 2014 là năm đầu tiên trong kế hoạch 5 năm (2011-2015) kể từ 2011 đến nay, tăng trưởng kinh tế vượt kế hoạch, so với kế hoạch chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% mà Quốc hội đưa ra thì năm 2014 đạt 5,98% . Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng trưởng 5,25% của năm 2012 và 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế trước bối cảnh chính trị có nhiều bất ổn khi Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép HD 981 trong vùng đặc quyền kinh tế lãnh thổ Việt Nam. Mức tăng trưởng có dấu hiệu hồi phục này đã giúp cho nền kinh tế vĩ mô có được sự ổn định - mục tiêu mà Việt Nam theo đuổi trong nhiều năm nay, đặc biệt là sau khi lạm phát lên tới trên 20% trong năm 2008 - năm đầu tiên Việt Nam chịu tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Con số tăng trưởng 5,98% được Tổng Cục Thống kê chính thức công bố đã khiến giới chuyên gia không khỏi bất ngờ.



**Biểu đồ 2.6: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2004- 2014**

**Nguồn: Tổng cục thống kê 2014**

Nhìn chung tình hình kinh tế nước ta trong giai đoạn 2012- 2014 có xu hướng được cải thiện và dần phát triển. Đây là một dấu hiệu tốt và đáng ghi nhận. Công ty Cổ phần Minh Phát là một công ty thương mại kinh doanh hàng công nghệ phẩm, dịch vụ



vận tải đường bộ và bán buôn các vật liệu phục vụ công trình xây dựng đóng góp một phần nào đó vào sự phát triển kinh tế và cũng chịu sự tác động, ảnh hưởng mang tính tích cực của nền kinh tế nước ta. Từ đó tạo điều kiện tiền đề cho Công ty hoạt động được hiệu quả hơn.

### **2.2.3.2 Lý do chủ quan**

Công ty Cổ phần Minh phát từ lúc thành lập đến nay nhìn chung các hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ổn định và có chiều hướng phát triển tích cực. Để có được những thành quả như vậy tất cả là nhờ vào các nhà lãnh đạo chủ chốt của Công ty đã đề ra phương hướng đúng đắn, sáng suốt. Biết sử dụng tốt các nguồn lực, thực hiện tốt, đầy đủ chính sách pháp luật và nhà nước đề ra như nộp đầy đủ, đúng thời hạn về các loại thuế... Nắm bắt rõ tình hình thị trường và nhu cầu tiêu dùng của khách hàng hiện nay.

Ngoài ra gần đây Công ty còn ký kết thêm các hợp đồng với các nhà phân phối khác để cung ứng đầy đủ các mặt hàng, đáp ứng tốt nhu cầu cho khách hàng. Việc vay vốn từ ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển- CN Phủ Quý giúp Công ty huy động được nguồn vốn, đầu tư thêm vào hoạt động kinh doanh.

### **CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT**

#### **3.1 NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

Qua quá trình thực tập, tìm hiểu về tình hình công ty Cổ phần Minh Phát và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, tôi nhận thấy có những điểm mạnh và hạn chế như sau:

##### **3.1.1 Ưu điểm**

Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty tương đối phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và đặc điểm kinh doanh của đơn vị.

- Đối với khâu tổ chức hạch toán ban đầu:

+ Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phù hợp với quy định của nhà nước.

+ Các chứng từ đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xử lý kịp thời và sắp xếp, lưu trữ theo thời gian một cách khoa học.

- Về hệ thống sổ sách kế toán: Công ty có hệ thống tổ chức kế toán khá phù hợp với chế độ kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh. Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh trong ngày và hệ thống sổ sách một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Tuân thủ đúng nguyên tắc, chế độ của nhà nước và pháp luật quy định.

- Về công tác kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh: Các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ tuân thủ đúng với chuẩn mực kế toán, thu thập tương đối đầy đủ, chính xác các chứng từ các tài khoản liên quan đến doanh thu bán hàng cung cấp được theo dõi cụ thể, chi tiết. Việc xác định kết quả kinh doanh giúp cho công ty đưa ra được chiến lược kinh doanh đúng đắn cho tương lai.

- Áp dụng các phần mềm kế toán như phần mềm kế toán Misa để hỗ trợ trong công tác kế toán giúp công việc chính xác và nhanh chóng hơn. Công việc được phân công một cách hợp lý, khoa học phù hợp với năng lực của từng nhân viên

### **3.1.2 Nhược điểm**

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh Công ty còn có những tồn tại cần hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn trong công tác điều hành, quản lý Công ty.

- Về chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642 tất cả các khoản chi phí lương bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ, chi phí tiếp khách,... Công ty đều sử dụng chung một tài khoản là TK 6422

- Việc hạch toán lãi tiền gửi ngân hàng chưa có chứng từ cụ thể như giấy báo Có của ngân hàng mà chỉ căn cứ vào thông báo là chưa thực sự hợp lý.

- Hiện tại Công ty Cổ phần Minh Phát chưa áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán trong hoạt động bán hàng của mình.

- Cơ sở vật chất chưa thực sự đảm bảo tốt cho công việc của công nhân viên, và kho chứa đựng hàng hoá còn đang nhỏ hẹp.

- Công ty ngày càng mở rộng quy mô về việc kinh doanh, lượng khách hàng có những khách hàng lâu năm, khách hàng mới nên việc theo dõi công nợ chưa trích lập khoản nợ phải thu khó đòi.

### **3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY**

- Khi ghi sổ của các tài khoản nên ghi rõ chứng từ gì để hạch toán, làm căn cứ để ghi nhận và lúc kiểm tra hay đối chiếu được thực hiện dễ dàng, thuận tiện.

- Kế toán nên thực hiện lập báo cáo kết quả kinh doanh vào cuối mỗi quý để việc theo dõi, báo cáo với ban lãnh đạo được chính xác. Đáp ứng yêu cầu của nội bộ giúp ban lãnh đạo nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc xác định các nguyên nhân, rủi ro khách quan, chủ quan nào dẫn đến kết quả đó để Công ty tiếp tục quyết định các chính sách, chiến lược kinh doanh tiếp theo.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty nên tách nhỏ TK 642 như: TK 6421- Chi phí nhân viên, TK 6422- Chi phí vật liệu quản lý, TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng,... Để dễ dàng trong công việc hạch toán, theo dõi từng khoản mục được chính xác và hợp lý, không nên gộp chung tất cả vào TK 6422 như Công ty đã thực hiện.

- Kế toán nên thu thập chứng từ như giấy báo Có của ngân hàng trước khi hạch toán vào tài khoản doanh thu tài chính, mặc dù khoản mục này có giá trị nhỏ. Và thoả mãn về nguyên tắc trong kế toán.

- Hiện tại Công ty Cổ phần Minh Phát chưa áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán trong hoạt động bán hàng của mình. Trong thời gian tới Công ty cần xem xét áp dụng các chính sách này. Ngoài ra Công ty cũng nên quy định mức doanh thu được hưởng chiết khấu, điều này sẽ thúc đẩy khối lượng mua của khách hàng, như vậy sẽ giúp Công ty tiêu thụ nhanh sản phẩm và cũng tạo tâm lý thoải mái cho người mua.

- Phương thức bán hàng của Công ty sử dụng là bán hàng trực tiếp và bán hàng qua điện thoại. Việc bán hàng qua điện thoại nhân viên bán hàng và kế toán phải cẩn thận có thể việc bán hàng không chắc chắn vì không có các chứng từ xác minh chính xác hoặc trong quá trình bán hàng có thể sai sót về số lượng hoặc mẫu mã hàng hoá. Vì vậy khi bán hàng qua điện thoại phải đặc biệt cẩn thận hoặc có phản hồi rõ ràng với khách hàng để chắc chắn nghiệp vụ đó.

- Về công tác kế toán quản lý theo dõi về công nợ cần mở theo dõi thêm bằng tài khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để theo dõi những khách hàng đã đến hạn thanh toán nhưng không thanh toán cho công ty mặc dù đã có sự nhắc nhở. Các khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu về số tiền còn nợ giữa khách hàng và công ty bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và chứng từ khác.

+ Nguyên tắc xác định nợ phải thu khó đòi là: Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn,...

+ Phương pháp lập dự phòng:

\* 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

\* 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

\* 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm.

\* 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên

### PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 1.1 KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp chiếm một vị trí, vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua việc hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, các nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được thực trạng từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, đánh giá được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, từ đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng đó, tôi đã thực hiện nghiên cứu đề tài: “KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT”. Qua quá trình thực tập tại Công ty, những mục tiêu ban đầu đặt ra đã thực hiện được.

Về phương diện lý thuyết, ở Chương 1 “Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp thương mại”, Tôi đã có điều kiện để tổng hợp và hệ thống lại nội dung cơ bản về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán, các chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác, thuế và phương pháp tính thuế TNDN và xác định kết quả kinh doanh bằng hệ thống sơ đồ đơn giản, ngắn gọn, đúng theo chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành.

Bên cạnh đó, qua quá trình tìm hiểu về Công ty Cổ phần Minh Phát, tôi đã đưa ra so sánh và phân tích các chỉ tiêu về năng lực kinh doanh của Công ty qua các năm như tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh. Từ đó có thể thấy được hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm qua. Mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn do tác động của nhiều yếu tố như: Cạnh tranh của thị trường, cơ sở vật chất còn chưa thật đảm bảo nhưng Công ty đã cố gắng và đạt được những thành công nhất định trong nền kinh tế thị trường như hiện nay.

Trong quá trình thực tập tại Công ty, Tôi đã có điều kiện tiếp xúc thực tế cụ thể như quan sát, tìm hiểu được thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện như thế nào. Nhìn chung công tác kế toán đã được thực

hiện tốt theo đúng chế độ hiện hành và phù hợp với quy mô kinh doanh của Công ty. Bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc cụ thể như: việc thu thập, xử lý chứng từ, hệ thống tài khoản, sổ sách khá đầy đủ. Việc thực hiện nghĩa vụ đối với cơ quan nhà nước tuân thủ đầy đủ và đúng hạn theo quy định.

Trước khi thực hiện bài khoá luận này cũng như trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Minh Phát tôi đã thực hiện được:

1. Tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung liên quan đến kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
2. Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Minh Phát.
3. Đánh giá những ưu, nhược điểm về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty.

## **1.2 KIẾN NGHỊ**

Tuy nhiên, Công tác kế toán tại Công ty còn tồn tại một số vấn đề chưa thực sự hợp lý, vận dụng những kiến thức lý thuyết được học ở nhà trường, sách vở, tài liệu tham khảo cũng như trong quá trình được tiếp xúc trực tiếp tại Công ty Tôi có nhận xét và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo để hoàn thiện đề tài:

+ Bên cạnh những ưu điểm đạt được đề tài còn gặp phải những khuyết điểm cần phải khắc phục để hoàn thiện hơn. Do thời gian thực tập còn ngắn nên đề tài chỉ mới nghiên cứu được một phần hành chính là doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chưa nghiên cứu được những phần hành còn lại và chỉ nghiên cứu một quý của một năm. Để hoàn thiện hơn cho đề tài này cần phải nghiên cứu sâu hơn về kế toán thuế, kế toán tiền lương... và nghiên cứu thêm các năm để có sự so sánh hợp lý hơn, mà trong khoá luận này chưa có điều kiện đi sâu để nghiên cứu.

Nếu có đủ thời gian và điều kiện tôi sẽ cố gắng tìm hiểu thêm các phần hành như kế toán TSCĐ, kế toán vốn bằng tiền, kế toán thanh toán... Với mong muốn học hỏi kinh nghiệm thực tế, quy trình hạch toán của đơn vị và từ đó hiểu được kết quả mà những gì họ đạt được.

Để làm phong phú hơn về nội dung đề tài, hướng tiếp tục nghiên cứu là tìm hiểu thêm về phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ làm thế nào để uy tín cho khách hàng cũ, thu hút được khách hàng mới, tìm hiểu các thông tin của doanh nghiệp khác kinh doanh trong cùng địa bàn, cùng lĩnh vực để có thể so sánh, đánh giá hiệu quả kinh doanh cũng như cách thức mà họ thực hiện, ngoài ra còn tìm hiểu thêm về việc phân phối lợi nhuận giữa các cổ đông trong công ty Cổ phần bao nhiêu phần trăm lợi nhuận giữ lại để đầu tư vào hoạt động...

Trên đây cũng chính là nội dung tổng kết lại quá trình tìm hiểu, nghiên cứu của tôi về đề tài khóa luận tốt nghiệp “KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MINH PHÁT”. Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa kế toán- kiểm toán đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn và phòng kế toán Công ty Cổ phần Minh Phát đã nhiệt tình hướng dẫn, chỉ bảo Tôi hoàn thành khóa luận này.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2008 ) “Nội dung và hướng dẫn 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam”, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội.
2. Bộ tài chính (2006 ) Quyết định 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính.
3. Võ Văn Nhị (2009), “Kế toán tài chính doanh nghiệp”, Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.
4. Giáo trình của tác giả Hồ Phan Minh Đức, Phan Đình Ngân,” Lý thuyết kế toán tài chính, Đại học kinh tế Huế.
5. Phan Thị Minh Lý (chủ biên), 2008, Nguyên lý kế toán, Đại học kinh tế Huế.
6. Các khóa luận của anh chị khoá trước tại thư viện trường Đại học kinh tế Huế.
7. Thông tin tổng hợp trong các trang website:
  - ★ <http://www.Webketoan.vn>
  - ★ <http://www.Cucthongke.com.vn>
  - ★ <http://www.Kiemtoan.com.vn>
  - ★ <http://www.Danketoan.com>Và một số website khác



